

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 1
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm)

Nghịch cảnh không chỉ là một phép thử của tình cảm mà còn là thước đo của trí tuệ và bản lĩnh con người.

(Danh ngôn Pháp)

Anh/Chị có suy nghĩ gì về câu nói trên?

Câu 2 (12 điểm)

*Vô vàn thi nhân trước anh đã viết về mưa
Mắt anh chả còn hồn nhiên đâu sau nhiều từ ngữ
Khéo con mưa anh viết bây giờ là con mưa của họ
Chiếc võng thơ anh chửa lên nằm, nó đã đung đưa
Này, thời đại anh có cái gì khác chứ?
Hình như anh có cả cơn mưa lửa
Hãy mang con mắt thời đại anh để nhìn trời mưa cũ
Nếu không, dù anh có tuôn xuống trăm câu, nghìn chữ
Cũng thừa*

(Chế Lan Viên toàn tập, NXB Văn học, 2002)

Anh/Chị hiểu như thế nào về lời khuyên của Chế Lan Viên: “*Hãy mang con mắt thời đại anh để nhìn trời mưa cũ*”? Hãy làm sáng tỏ bằng những hiểu biết của anh/chị qua những tác phẩm thơ.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 1

(Đáp án – Thang điểm gồm có 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Mở bài: (0.5 điểm)

- Đại thi hào người Đức, Gớt từng nói: *“Trí tuệ trưởng thành trong tĩnh lặng, tính cách trưởng thành trong bão táp”*. Môi trường và hoàn cảnh sống là những yếu tố quan trọng góp phần làm nên tính cách của con người.

- Khẳng định vai trò của hoàn cảnh đối với việc rèn luyện bản lĩnh cho con người, danh ngôn Pháp có câu: *“Nghịch cảnh không chỉ là một phép thử của tình cảm mà còn là thước đo của trí tuệ và bản lĩnh con người”*.

2.2. Thân bài: (7.0 điểm)

a. Giải thích từ ngữ và ý nghĩa: (1.0 điểm)

+ *Nghịch cảnh* là hoàn cảnh trở trêu, éo le, những nghịch lí cản trở cuộc sống của con người; là những rủi ro con người không mong muốn trong cuộc sống.

⇒ Câu nói khẳng định *ý nghĩa của nghịch cảnh trong quá trình nhận thức và tự nhận thức của con người: Qua nghịch cảnh, con người không chỉ hiểu biết thêm về tâm hồn, tình cảm của mình, của người khác mà quan trọng hơn hết là thấy được trí tuệ và bản lĩnh trong cuộc sống.*

b. Bàn luận: (4.5 điểm)

(1): Biểu hiện của nghịch cảnh: (1.5 điểm)

- Nghịch cảnh là một phần tất yếu của cuộc sống mà ai cũng phải trải qua trong cuộc đời: ốm đau, tai nạn, chiến tranh, xung đột,...

- Nghịch cảnh cuộc đời là điều không thể tránh. Không ai tránh được những bất trắc trong cuộc sống.

- Những nghịch cảnh học sinh gặp phải trong học tập: Có khi kết quả không được như mong muốn với những nỗ lực mà mình đã bỏ ra.

- Những nghịch lý trong tình yêu: Những cách trở, bước cản trong tình yêu mà những người yêu nhau thường phải đối diện.

- Những thất bại trong đường đời: Người thì bị mất việc, kinh doanh thất bại, phá sản, mất đi người thân, khủng hoảng tài chính, người thì đổ vỡ trong các mối quan hệ, hoặc thậm chí sức khỏe sa sút.

- Đôi khi những thử thách đó lại nằm ngoài tầm kiểm soát của ta, nên dù cố gắng đến mấy, ta vẫn phải chấp nhận và đối đầu với nó (*trích câu của Đặng Thùy Trâm*).

(2): Vai trò của nghịch cảnh: (1.5 điểm)

+ Nghịch cảnh là phép thử của tình cảm:

- Qua nghịch cảnh, ta hiểu thêm về trái tim, tình cảm của người, thấy được tình cảm của tập thể và của cả dân tộc.

- Khi thất bại trên đường đời, con người mới nhận ra những giá trị đích thực của cuộc sống, những tình cảm chân – giả mà người, tập thể dành cho mình. Khi đó, chúng ta sẽ trân trọng hơn những tình cảm chân thành mà ta nhận được, sáng suốt hơn khi nhận rõ bạn – thù vốn bị cái hỗn tạp của đời sống làm mờ khuất đi.

+ Nghịch cảnh là thước đo của trí tuệ và bản lĩnh của con người:

- Đối diện và vượt qua nghịch cảnh, dân tộc đó sẽ chứng tỏ được tầm vóc của trí tuệ và bản lĩnh của mình. Trong cuộc chiến chống xâm lược, dân tộc ta đã chứng minh được bản lĩnh khi đối đầu với những kẻ thù xâm lược mạnh hơn mình.

- Đối diện và vượt qua nghịch cảnh, con người sẽ khẳng định được sức mạnh của ý chí, nghị lực và bản lĩnh. Cách con người nhìn nghịch cảnh, cách con người vượt qua nghịch cảnh chính là những bài học vô giá về sức mạnh trí tuệ và bản lĩnh con người.

(3): Mở rộng vấn đề: (1.5 điểm)

- Tuy nhiên, không chỉ trong nghịch cảnh, con người mới nhận thức được nhiều điều mà ngay trong hoàn cảnh bình thường của cuộc sống thường ngày, chỉ cần con người luôn có ý thức học hỏi, trau dồi kiến thức, cầu tiến, tinh táo trong nhận thức... thì con người hoàn toàn có thể rút ra kinh nghiệm cho bản thân và rèn giũa năng lực trí tuệ lẫn bản lĩnh của mình.

- Phê phán quan niệm và hành động sai lầm: chạy trốn hay đầu hàng nghịch cảnh, thiếu tinh táo, sáng suốt khi gặp cảnh éo le, ngang trái, dễ thất bại trong công việc, thậm chí bị kẻ thù lợi dụng.

c. Bài học nhận thức và hành động:

+ Nhận thức: Câu nói trên đã khẳng định ý nghĩa của nghịch cảnh trong quá trình nhận thức và tự nhận thức của con người.

+ Hành động:

- Tự làm giàu cho tâm hồn và trí tuệ để đủ sức mạnh vượt qua nghịch cảnh;

- Can đảm, kiên cường đối diện và vượt qua những thử thách của cuộc đời;

- Sống yêu thương, đoàn kết để cuộc sống tràn ngập tình yêu thương.

2.3. Kết bài: (0.5 điểm)

Đúng như E. Tholman từng nói: “*Bạn cần sức mạnh, nghị lực nên cuộc sống đã đặt ra những khó khăn nghịch cảnh để bạn vượt qua và trở nên mạnh mẽ hơn*”. Vì vậy, đừng ngại ngùng đối đầu với nghịch cảnh, bởi “*bạn sẽ khám phá ra chính mình ở một bậc cao hơn sau mỗi lần vượt qua nghịch cảnh*” (Thomas Edison). Chúc các bạn luôn có đủ dũng khí và trí tuệ để vượt qua nghịch cảnh và vươn đến thành công!

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (7 – 8):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- **Điểm Khá (5 – 6):** Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- **Điểm Trung bình (4):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu – Kém (<4):** Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích ý kiến: (2.0 điểm)

- *Nhìn*: cái nhìn – cách đánh giá, thể hiện nhân sinh quan, thế giới quan của người viết.

- *Con mắt của thời đại*: cái nhìn – cách đánh giá của thời đại mà nhà thơ đang sống.

- *Con mưa cũ*: hiện thực cuộc sống – con người.

⇒ Cả câu thơ: **Lời khuyên với người sáng tác: phải đánh giá, nhìn nhận cuộc sống – con người bằng cái nhìn, cách đánh giá mới mẻ, mang hơi thở của thời đại.**

2.2. Bàn luận và chứng minh: (8.0 điểm)

* **Bàn luận: (3.0 điểm)**

- Nhà văn thuộc về một giai đoạn lịch sử xác định, chịu sự chi phối của thời đại mà mình đang sống về tư tưởng và thi pháp.

- Sáng tác là sản phẩm của nhà văn hay in đậm dấu ấn sáng tạo của nhà văn nhưng cũng phải thể hiện tâm tư tưởng của thời đại.

* **Chứng minh qua 2 tác phẩm thơ: (5.0 điểm)**

* **Yêu cầu:** Trong quá trình phân tích, thí sinh phải chỉ ra được nét độc đáo, phong cách riêng của nhà thơ đó trên cái nền đổi thay của cả thời đại thi ca lúc bấy giờ.

2.4. Mở rộng vấn đề: (2.0 điểm)

- Ý thơ của Chế Lan Viên đã chỉ ra yêu cầu bắt buộc đối với người nghệ sĩ: phải biết nhìn những đề tài cũ bằng cái nhìn mới để những trang văn luôn in dấu ấn riêng của người sáng tác và dấu ấn riêng của thời đại.

- Con mắt thơ không được dừng lại ở bề nổi của thời đại mà phải đi vào bề sâu của hiện thực. Nhà thơ phải là người có ý thức tìm tòi, đổi mới, có tài quan sát tinh tế, có khả năng sử dụng ngôn từ.

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (10 – 12):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- **Điểm Khá (7 – 9):** Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, văn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5)*: Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ĐỀ THI THAM KHẢO

(Đề thi có 01 trang)

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022**

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 2

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm) Đọc câu chuyện sau:

VIẾT CHỮ LÊN CÁT

Một câu chuyện kể rằng, có hai người bạn thân cùng bị lạc đường trong sa mạc. Họ cứ đi, đi mãi và tới một lúc trong cuộc hành trình, họ bắt đầu tranh cãi với nhau nên đi về hướng nào để thoát ra. Không kìm chế được sự bức tức và tuyệt vọng, một người đã tát vào mặt người kia. Người bị đánh rất đau, nhưng không nói gì mà chỉ viết một dòng chữ lên cát: “Hôm nay, người bạn thân nhất của tôi đã tát tôi”.

Họ lại đi tiếp, và gặp một ốc đảo và một hồ nước lớn. Người bạn bị đánh vì vội vàng uống nước và tắm rửa nên đã bị trượt chân và bắt đầu chìm dần. Người bạn kia vội nhảy xuống cứu anh ta lên. Khi mọi việc đã qua, người bạn bị đánh khắc một dòng chữ lên phiến đá: “Hôm nay, người bạn thân nhất của tôi đã cứu tôi”.

Người bạn đã đánh và cũng là người cứu anh ta thực sự ngạc nhiên nên hỏi: “Tại sao khi tớ đánh cậu, cậu viết lên cát, còn bây giờ cậu lại khắc lên phiến đá?”.

Người kia mỉm cười và đáp: “Khi một người bạn làm ta đau, hãy viết lên cát để ngọn gió của sự tha thứ thổi qua mang nó đi cùng. Còn khi điều tốt lành đến, chúng ta nên khắc nó lên đá, như khắc thành kỉ niệm trong tim vậy, không cơn gió nào có thể xóa nó đi được!”.

Liệu chúng ta có thể học được cách viết lên cát?

(Theo Quà tặng cuộc sống)

Câu hỏi được in đậm ở cuối câu chuyện đã gợi cho anh/chị những suy nghĩ gì?

Câu 2 (12 điểm)

*Anh là tháp Bay-on bốn mặt
Giấu đi ba, còn lại đấy là anh
Chỉ mặt đó mà nghìn trò cười khóc
Làm đau ba mặt kia trong cõi ẩn hình.*

(Tháp Bay-on bốn mặt, Hóa trên đá II, Chế Lan Viên, 1988)

Anh/Chị hiểu như thế nào về hình tượng “tháp Bay-on bốn mặt”? Hãy làm sáng tỏ những hiểu biết của anh/chị qua những tác phẩm để chứng minh người sáng tác cũng là những “tháp Bay-on bốn mặt”.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 2

(Đáp án – Thang điểm gồm có 03 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích ý nghĩa của câu chuyện và câu hỏi câu chuyện: (1.0 điểm)

- *Viết chữ lên cát*: để cho những giận hờn, oán ghét bay đi theo làn gió, bài học về lòng vị tha, bao dung.

- *Viết chữ lên đá*: để ghi tạc công ơn, ân nghĩa trong tâm khảm, bài học về lối sống tình nghĩa, có trước có sau.

→ Câu chuyện dạy ta về cách đối nhân xử thế: với những người đã giúp đỡ ta trong cuộc sống, ta phải ghi lòng tạc dạ công ơn của họ đối với mình, không được phép quên. Còn với những lỗi lầm của người khác gây ra cho mình, hãy rộng lượng bỏ qua và tha thứ cho họ.

⇒ Câu hỏi đặt ra ở cuối chuyện như một lời nhắc nhở, khuyên bảo con người hãy học tập lối sống yêu thương, tình nghĩa, bao dung, vị tha.

2.2. Biểu hiện của lối sống này trong cuộc đời: (5.0 điểm)

- Sống thủy chung, ân nghĩa, biết khắc ghi và đền đáp công ơn mà người khác đã mang đến cho mình. Lối sống này vốn đã thành truyền thống của dân tộc Việt Nam từ xưa đến nay.

- Sống yêu thương, tình nghĩa sẽ giúp con người trở nên nhân ái hơn, và vì thế sẽ biết rộng lượng, bao dung hơn với cuộc đời: biết tha thứ và sẵn sàng bỏ qua lỗi lầm của người khác, biết xóa bỏ những oán ghét, hờn ghen trong tâm hồn mình.

* **Lưu ý**: Với mỗi luận điểm thí sinh nêu, dùng dẫn chứng thực tế để chứng minh cho lý lẽ của mình.

2.3. Ý nghĩa của lối sống tình nghĩa, vị tha: (1.0 điểm)

- Sống tình nghĩa, yêu thương giúp người gần người hơn, biết san sẻ, giúp đỡ nhau. Thế giới sẽ tràn ngập tình yêu và hạnh phúc.

- Sống bao dung, vị tha giúp con người sống bình yên hơn, không còn oán ghét, hận thù, chiến tranh, khủng bố... tâm hồn con người sẽ trở nên thanh thản, cao thượng hơn. Cuộc sống sẽ tươi vui và hạnh phúc nếu mình biết tha thứ và nhận được sự tha thứ từ mọi người xung quanh.

2.4. Làm thế nào để sống ân nghĩa, vị tha? (1.0 điểm)

- Luôn biết trân trọng, khắc ghi và đáp đền công ơn của những người đi trước, những người đã giúp đỡ ta trong cuộc sống.

- Sống chan hòa, nhân ái với mọi người xung quanh.

- Học cách tha thứ cho người và cho mình, tuy nhiên không thể tha thứ cho những hành động sai trái cứ lặp đi lặp lại nhiều lần mà không chịu sửa chữa. Sự tha thứ đó sẽ biến ta thành kẻ nhu nhược.

- Có những lỗi lầm con người không được phép phạm phải và không xứng đáng nhận được sự tha thứ. Hãy sống có đạo đức để không phạm sai lầm đó và nhận về mình sự trừng phạt.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (7 – 8)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- *Điểm Khá (5 – 6)*: Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- *Điểm Trung bình (4)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu – Kém (<4)*: Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:

2.1. Giải thích ý kiến: (2.0 điểm)

* Bài thơ là cái nhìn toàn thể, toàn diện về con người và cuộc đời:

- Con người, cuộc đời là đa diện, có nhiều biểu hiện phong phú, phức tạp (“*tháp Bay-on bốn mặt*”).

- Trong số đó, ba mặt “*giấu đi*” là thế giới nội tâm, là bản chất, mặt “*còn lại*” là biểu hiện bên ngoài, là ứng xử, hành động. Cái phần chìm khuất bao giờ cũng nhiều hơn, phức tạp hơn những gì thể hiện ra bên ngoài.

- Tuy nhiên, mặt thể hiện bên ngoài lại biến hóa khôn lường (“*ngàn trò cười khóc*”), còn ba mặt giấu đi lại rất khó phân biệt (“*trong cõi ẩn hình*”).

- Chính điều này đôi khi sẽ tạo nên sự đối lập, mâu thuẫn giữa bên ngoài và bên trong, giữa biểu hiện và bản chất, giữa hành động và tâm hồn; có thể gây nên những bi kịch nội tâm (“*làm đau*”).

2.2. Bàn luận và chứng minh: (8.0 điểm)

* Thí sinh có thể chọn 2 tác phẩm nhưng cần chứng minh trong đó có sự đối lập trong cả nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật.

2.3. Khái quát và nâng cao vấn đề: (2.0 điểm)

- Hai nhà thơ/ nhà văn trên có thể xem như là một “*tháp Bay-on bốn mặt*”. Tuy biểu hiện theo những cách khác nhau, nhưng hai tác phẩm đều cho thấy tâm thế của chủ thể trữ tình.

- Suy cho cùng, đối lập có thể xem như là một phương pháp sáng tác của các nhà thơ/ nhà văn lớn. Giá trị của phương pháp này ở chỗ: nó thể hiện được đúng bản chất của con người và cuộc đời. Nhân tình và nhân thế là đa diện và đa sự, biến hóa muôn hình vạn trạng. Đó là lý do mà cuộc hành trình khám phá con người và cuộc đời, cũng như khám phá thơ ca là không bao giờ kết thúc.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (10 – 12)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- *Điểm Khá (7 – 9)*: Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, văn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5)*: Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022**

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 3

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm) Đọc câu chuyện sau:

DẤU CÂU

Chàng thanh niên nọ có trong tay bộ dấu câu.

Toạ tiến, anh đánh mất dấu phẩy (.). Anh ta trở nên sợ những điều phức tạp, cố tìm những câu đơn giản.

Sau đó anh đánh mất dấu chấm than (!) và bắt đầu nói khe khẽ, không có ngữ điệu. Chẳng còn gì làm anh ta sung sướng hay phần nộ. Anh đã thờ ơ với mọi chuyện.

Tiếp theo anh mất luôn dấu hỏi (?) và chẳng bao giờ anh ta muốn biết điều gì vì không muốn hỏi.

Thời gian sau, anh ta rũ sạch dấu hai chấm (:). Anh không còn giải thích được điều gì. Và thế là anh chỉ còn dấu ngoặc kép (“ ”) luôn trích dẫn ý người khác.

Anh ta cứ như vậy cho đến dấu chấm hết (./.)

Anh/Chị có suy nghĩ gì sau khi đọc câu chuyện trên?

Câu 2 (12 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “*Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ*” (Xuân Diệu)

Bằng những kiến thức của anh/chị và qua một số bài thơ đã được học, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 3

(Đáp án – Thang điểm gồm có 03 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Ý nghĩa của câu chuyện:

- Nêu vai trò của từng loại dấu câu trong việc biểu đạt suy nghĩ cảm xúc, thái độ của con người. Mỗi dấu câu đều có ý nghĩa, cách sử dụng nhất định, không thể coi nhẹ, không thể bỏ qua.

- Từ chuyện dấu câu, nói chuyện con người. Mỗi dấu câu được sử dụng ẩn dụ cho một thái độ, hành động cần phải có của con người. Người thanh niên đánh mất dần những dấu câu cũng là đánh mất chính mình.

- Bài học về dấu câu là bài học về lối sống giản dị mà sâu sắc.

2.2. Suy nghĩ về ý nghĩa của câu chuyện:

- Câu chuyện có ý nghĩa nhấn nhủ “*Chớ coi thường những điều nhỏ trong cuộc sống*”. Những dấu câu tưởng đơn giản bình thường, dễ bỏ qua, dễ dùng sai nhưng có vai trò quan trọng làm nên ý nghĩa của câu, của văn bản. Nếu không có dấu câu, tất cả từ ngữ đều chỉ còn là những kí hiệu vô nghĩa (*Lấy dẫn chứng về việc không sử dụng dấu câu hoặc sử dụng dấu bừa bãi làm sai lệch, vô nghĩa văn bản*).

- Câu chuyện còn là lời cảnh tỉnh về lối sống. Anh thanh niên sợ những điều phức tạp, không còn biết sung sướng hay phẫn nộ, thờ ơ với mọi chuyện, mọi điều, không còn là mình, đánh mất mình, chỉ a dua nói theo người khác... Đó là lối sống giản đơn hời hợt, ích kỉ, vô cảm, thờ ơ với mọi việc, mọi người. Hậu quả của lối sống ấy là cái chết trong tư tưởng tâm hồn. Một sự tồn tại vô nghĩa chứ không phải là sống – đó là dấu chấm hết của cuộc đời (*Lấy dẫn chứng trong cuộc sống để làm rõ tác hại của lối sống này*).

- Câu chuyện là lời khuyên con người cần biết quan tâm đến mọi người mọi vật xung quanh, luôn khao khát học hỏi, sống nhiệt thành, hết mình... Đó là lối sống đẹp đẽ hữu ích mà mọi người cần phải có (*Lấy dẫn chứng biểu dương cho lối sống đẹp*).

2.3. Liên hệ thực tế và bản thân: Liên hệ với lối sống của bản thân và giới trẻ hiện nay.

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (7 – 8):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- **Điểm Khá (5 – 6):** Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- **Điểm Trung bình (4):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu – Kém (<4):** Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích: (2.0 điểm)

- **Thơ ca:** trước hết là một loại hình văn học, sau nữa có thể hiểu là chỉ văn học nghệ thuật nói chung.

- **Thơ ca bắt rễ từ lòng người:** Thơ ca là tiếng nói chân thực của tình cảm. Nó được khơi nguồn, bắt rễ từ tư tưởng, cảm xúc của người nghệ sĩ. Về thứ nhất của nhận định đề cập đến khởi nguồn của thơ, vai trò của yếu tố tình cảm, xúc cảm trong sáng tác thơ, đến nội dung của tác phẩm văn học.

- **Nở hoa nơi từ ngữ:** Là ngôn từ nghệ thuật, giá trị nghệ thuật, vẻ đẹp ngôn ngữ của tác phẩm văn học.

=> **Như vậy, nhận định của đề bài bàn về mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của tác phẩm nghệ thuật; về đặc trưng của văn học, đặc trưng của thơ; đề cao vai trò của yếu tố tình cảm, xúc cảm trong thơ, đồng thời yêu cầu tình cảm ấy phải được diễn tả bằng ngôn từ đẹp đẽ, giàu tính thẩm mỹ. Đây là một qui luật, cũng là một yêu cầu trong sáng tạo nghệ thuật.**

2.2. Bình luận: (2.5 điểm)

a. Vì sao lại nói: Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ?

* **Thơ ca bắt rễ từ lòng người bởi lẽ:**

- Xuất phát từ đặc trưng của văn học: Nghệ thuật là lĩnh vực sáng tạo để phản ánh hiện thực, trong đó phản ánh tâm tư, tình cảm của chủ thể sáng tạo. Xuất phát từ đặc trưng về đối tượng, nội dung của văn học, có thể thấy: văn học không phản ánh hiện thực một cách bàng quan, lạnh lùng mà bao giờ cũng gắn chặt với tình cảm, ước mơ, khát vọng... của nhà văn. Điều đó tạo nên qui luật tình cảm trong phản ánh nghệ thuật.

- Xuất phát từ đặc trưng của thơ, đặc biệt là thơ trữ tình: tiếng nói trữ tình bao giờ cũng được bộc lộ trực tiếp, trở thành bình diện thứ nhất của sáng tác.

* **Tiếng nói của tình cảm, tâm tư con người được gửi gắm trong tác phẩm nghệ thuật như thế nào?**

- Nhu cầu được giải bày những gì chất chứa trong lòng (niềm vui, nỗi buồn...).

- Là lời nhắn gửi, sự cảm thông; là tiếng lòng đến với tiếng lòng (tiếng nói tri âm).

- Nghệ thuật chân chính còn chứa đựng trong nó chiều sâu của tư tưởng tiến bộ, các giá trị đối với cuộc sống, làm đẹp và phong phú hơn cho tâm hồn con người.

* **Nở hoa nơi từ ngữ bởi lẽ:** Vẻ đẹp của tình cảm, cảm xúc trong thơ phải được kết tinh ở hình thức nghệ thuật, được biểu hiện bằng những biện pháp nghệ thuật độc đáo mà trước hết là nghệ thuật sử dụng ngôn từ.

b. Bàn luận, mở rộng vấn đề:

- Nếu thơ chỉ *bắt rễ từ lòng người*, chỉ có tình cảm cảm xúc mãnh liệt mà không *nở hoa nơi từ ngữ* thì tình cảm cảm xúc trong thơ sẽ không tìm được hình thức biểu hiện độc đáo, hấp dẫn; do đó khó tạo nên vẻ đẹp, sức lôi cuốn của tác phẩm.

- Ngược lại, nếu chỉ trau chuốt, đẽo gọt ngôn từ mà xem nhẹ tình cảm, cảm xúc thì tác phẩm sẽ trở nên khô khan, nghệ thuật không sao cất cánh lên được.

2.3. Phân tích các bài thơ đã được học hoặc đọc để làm rõ ý kiến của Xuân Diệu (chọn 02 tác phẩm). (6.0 điểm)

2.4. Đánh giá chung: (1.5 điểm)

- Nhận định đã đề cập đến giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Một tác phẩm chân chính phải khởi phát từ tình cảm dạt dào của tác giả và được thể hiện bằng ngôn từ chất lọc, trau chuốt.

- Người nghệ sĩ phải có trái tim nhạy cảm, tinh tế về khả năng lao động nghệ thuật nghiêm túc thì mới tạo được những vần thơ trác tuyệt.

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (10 – 12):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- **Điểm Khá (7 – 9):** Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, vẫn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- **Điểm Trung bình (6):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu (4 – 5):** Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Kém (1 – 3):** Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 4
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm)

“Tình bằng hữu tự nó là mối dây quyến luyến thánh thiện, và sự nghèo khó làm cho nó thêm cao vọng”.
(John Dryden)

Anh/Chị có suy nghĩ gì về câu nói trên?

Câu 2 (12 điểm)

Trong tác phẩm *Tùy viên thi thoại*, nhà phê bình Viên Mai đã quan niệm rằng: “*Thơ là cái do tình sinh ra và đó phải là tình cảm chân thật*”.

(Trích từ *Viên Mai bàn về thơ*, Ngữ văn 10 Nâng cao, Tập một, tr. 208)

Anh/Chị hiểu câu nói trên như thế nào? Hãy làm rõ quan niệm trên qua một số bài thơ mà anh/chị biết.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 4

(Đáp án – Thang điểm gồm có 03 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích ý nghĩa của câu nói: (2.0 điểm)

- Bạn có nhiều loại khác nhau, nhưng tình bạn mãi là tình cảm thiêng liêng và cao quý trong cuộc sống của con người. Tình bạn là tình cảm chân thành, vô tư, hồn nhiên và trong sáng, “là mối dây quyến luyến thánh thiện”; nối kết những tâm hồn bạn bè với nhau bằng sự yêu thương, đồng cảm, sẻ chia với nhau những vui buồn, khó khăn, hạnh phúc trong cuộc sống.

- Tình bạn càng trở nên cao quý hơn khi một người bạn nghèo khó. “Sự nghèo khó làm cho nó thêm cao vọng” khẳng định hoàn cảnh là thước đo cho vẻ đẹp của tình bạn, càng làm cho “mối dây quyến luyến thánh thiện” thêm bền vững.

2.2. Bàn luận và chứng minh: (4.0 điểm)

- Học sinh dùng dẫn chứng và phân tích dẫn chứng để làm rõ hai ý đã giải thích trên.

- Dẫn chứng chủ yếu lấy từ thực tế của cuộc sống; có thể lấy trong sử sách, hoặc giả định, nhưng không được quá nhiều (*Chỉ nên chọn tối đa 02 dẫn chứng*).

2.3. Đánh giá và mở rộng vấn đề: (2.0 điểm)

- Ý kiến trên hoàn toàn đúng đắn.

- Ý kiến trên là một bài học sống động về tình bạn cho bản thân.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (7 – 8)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- *Điểm Khá (5 – 6)*: Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- **Điểm Trung bình (4):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu – Kém (<4):** Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích:

- Ý kiến của Viên Mai nhằm nhấn mạnh nguồn gốc của thơ: “*Thơ là do cái tình sinh ra và đó là tình cảm chân thật*”. (Nhiều người lí giải nguồn gốc của thơ một cách kì bí, siêu hình rằng: thơ khởi nguồn từ thần hứng, từ cơn điên loạn của thần thánh, là cơn mê sáng của linh hồn...). Nguồn gốc tình cảm đã tạo nên đặc trưng nội dung của thơ, sự khác biệt cơ bản giữa thơ và những thể loại khác.

- “*Thơ là do cái tình sinh ra*”. Khi tình cảm mãnh liệt thôi thúc, nhà thơ thổ lộ, chia sẻ với người đọc bằng nghệ thuật, bằng hình thức có tính thẩm mỹ, thơ ra đời. Tình là gốc của thơ, vì thế tình cảm là nội dung trực tiếp và quan trọng nhất của thơ.

- “*Đó phải là tình cảm chân thật*”, là chân cảm tự nhiên, không hề giả dối, vay mượn. Những tình cảm thành thực nảy sinh trong tâm hồn nhà thơ trước những va chạm với cuộc sống. *Tình cảm chân thật* cũng là yêu cầu thiết yếu về phẩm chất nội dung của thơ.

- Việc thẩm bình thơ để khẳng định vấn đề cần chọn những dẫn chứng đặc sắc và chỉ ra được *tình cảm chân thật, sự quan trọng của cảm xúc* chứa đựng trong tác phẩm.

2.2. Bàn luận và chứng minh:

- Thí sinh bàn luận lấy ý từ phần giải thích.

- Làm sáng tỏ ý kiến của Viên Mai qua các tác phẩm thơ đã được học trong chương trình (**chọn 02 tác phẩm**).

a. *Giới thiệu:* Giới thiệu sơ lược về tác giả và sơ lược về tác phẩm cần chứng minh.

b. *Phân tích ý kiến của Viên Mai qua 2 tác phẩm:*

2.3. Đánh giá chung:

- Tình cảm chân thật trong thơ không chỉ là tiếng lòng riêng của nhà thơ trước những cảnh huống cụ thể mà còn vươn lên tầm phổ quát. Vì thế thơ luôn có sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nhà thơ phải sống sâu sắc với đời mới cảm nhận được “*những buồn vui muôn thuở của loài người*”, tiếng lòng chung của một lớp người.

- *Tình cảm chân thật* phải hòa quyện trong nghệ thuật độc đáo với những sáng tạo mang đậm dấu ấn cá nhân của nhà thơ, mới tạo nên sức truyền cảm mãnh liệt. Câu thơ tràn đầy tình cảm cao thượng, chân thật mà ngôn từ thô vụng, nhạc điệu méo mó cũng không thể làm rung động lòng người.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (10 – 12)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- *Điểm Khá (7 – 9)*: Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, văn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5)*: Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022**

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 5
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm)

Trong viện động vật học có một giáo sư triết học đang ngồi truyền thụ triết học cho các loài động vật. Giáo sư triết học đó giảng giải rất nhiều những lý luận trống rỗng, ông nói: “Bất kể sự vật nào đều cần phải bắt đầu từ căn bản, cũng giống như bất kể một kiến trúc nào cũng đều cần làm từ móng đáy đi lên”. Có một con ếch nghe mà không bình tĩnh được nữa liền hỏi vị giáo sư: “Xin hỏi giáo sư, có thật tất cả những kiến trúc đều phải làm từ đáy lên không?”. Giáo sư triết học nhìn thẳng vào con ếch và nói: “Đương nhiên! Ếch ngồi đáy giếng”. Con ếch phản kích lại nói: “Chính vì là ếch ngồi đáy giếng nên tôi mới hỏi ông, chẳng lẽ đào giếng cũng làm từ dưới tầng đáy lên?”. Vị giáo sư triết học há hốc mồm không nói được câu gì.

(Dựa theo Tri thức Việt - Tuyển chọn và dịch)

Suy nghĩ của anh/chị về vấn đề xã hội được đặt ra từ trích dẫn trên.

Câu 2 (12 điểm)

“Văn học lãng mạn không quan tâm đến thế giới như nó **đang là** mà quan tâm đến thế giới như nó **có thể là** và **phải là**”. (Aristotle)

Anh/Chị hiểu như thế nào về ý kiến trên? Hãy làm rõ ý kiến qua những tác phẩm văn học.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 5

(Đáp án – Thang điểm gồm có 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

* Vấn đề nghị luận: **Giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn.**

2.1. Giải thích: (2.0 điểm)

- Vị giáo sư giảng nhiều lý luận triết học nhưng khi con ếch phản kích, ông chỉ biết há hốc mồm, không nói được câu gì. Cho nên lý thuyết vị giáo sư truyền thụ chỉ là thứ lý thuyết khô khan, trống rỗng, không có tính thực tiễn.

→ **Vấn đề đặt ra:** cần phải biết hoài nghi và kiểm điểm tri thức sách vở từ thực tế; lý luận phải có sự kết hợp thực tiễn (mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn).

2.2. Bàn luận và chứng minh: (4.0 điểm)

- Lý luận là thế giới rộng lớn của sách vở, nhưng thực tiễn cuộc sống là sự bí ẩn mà không một pho sách nào đi đến được, không một cuốn sách nào vắt cạn được. Học ở sách vở là chưa đủ, cần phải đến với thực tế đời sống để kiến thức con người phong phú hơn, hoàn thiện hơn.

- Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm tra lý luận. Chính thực tiễn giúp ta quan sát và phán đoán, khai quật những cái đẹp thực sự mà con người, sự vật cất giấu. Những kiến thức chúng ta học được chỉ có ứng dụng vào cuộc sống mới là của mình.

- Coi trọng thực tiễn không có nghĩa là bài trừ kiến thức sách vở. Thực tiễn và lý luận bổ sung cho nhau, tương trợ cho nhau. Cổ nhân xưa thường nói “*Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*”, chính là nhấn mạnh việc kiến thức nên kết hợp thực tiễn.

* *HS cần lựa chọn các dẫn chứng để làm rõ vai trò của lý luận và thực tiễn trong đời sống.*

2.3. Nâng cao, mở rộng vấn đề: (2.0 điểm)

- Hiểu biết sách vở và những băn khoăn về điều chưa biết trong cuộc sống là điều kiện cần và đủ cho hoạt động học tập, lao động của con người.

- Thực tiễn có thể tăng cường lý luận, phát triển lý luận. Thực tiễn không chỉ là tiêu chuẩn để kiểm nghiệm lý luận mà còn là nguồn của lý luận.

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (7 – 8):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- **Điểm Khá (5 – 6):** Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- **Điểm Trung bình (4):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu – Kém (<4):** Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên cần tập trung làm rõ ý kiến, tránh sa vào **phân tích thuần túy tác phẩm**. Bài làm cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

2.1. Giải thích ý kiến: (2.0 điểm)

- (**Tham khảo, không cần học**) **Chủ nghĩa lãng mạn** là một trong những trào lưu lớn ở Âu Mỹ vào cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX. Trào lưu này gây ảnh hưởng ở nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Ở bài làm này chỉ giới hạn ở xu hướng văn học lãng mạn Việt Nam. Đây là một khái niệm chỉ một trào lưu văn học ra đời khoảng 1932 – 1945. Là tiếng nói của cái Tôi cá nhân đầy cảm xúc, phát huy cao độ trí tưởng tượng, diễn tả những khát vọng ước mơ của con người vượt lên trên thực tại khách quan.

- **Thế giới như nó đang là** là thế giới khách quan của hiện tại đang xảy ra.

- **Thế giới có thể là và phải là** là thế giới trong mơ ước, trong khát khao mong muốn chủ quan của tác giả...

⇒ **Ý kiến đề cập đến một đặc điểm của văn học lãng mạn là thoát li hiện thực khách quan, hoặc nếu có viết về hiện thực thì cũng chỉ hướng đến một thế giới tốt đẹp hơn trong tương lai, trong mơ ước và mong muốn hiện thực hóa thế giới ấy theo ý muốn chủ quan mà mình mơ ước.**

2.2. Lí giải, bàn luận vấn đề: (3.0 điểm)

- Văn học lãng mạn là tiếng nói của cái Tôi tiểu tư sản, cái Tôi được giải phóng khỏi những ràng buộc của xã hội cũ, khao khát khẳng định mình giữa cuộc đời.

- Nhưng thực tế xã hội “kim tiền ô trọc” bấy giờ đã không cho họ thực hiện như mình muốn nên họ tìm cách thoát li để xây dựng một thế giới mộng ảo như mình mong muốn.

- Văn học lãng mạn lánh xa những vấn đề nóng bỏng của thời đại là đấu tranh giai cấp và cuộc sống đói nghèo của người dân.

- Tuy nhiên có rất nhiều nhà văn lãng mạn (ví dụ như Thạch Lam...), tác phẩm của họ có khuynh hướng đi gần với hiện thực đời thường. Tuy nhiên hiện thực đó chưa phải là vấn đề cấp thiết mà nhà văn muốn đề cập trong tác phẩm.

2.3. Chứng minh ý kiến qua tác phẩm “Hai đứa trẻ” và “Chữ người tử tù”: (6.0 điểm) (Tham khảo, học sinh có thể lấy tác phẩm khác), chú ý làm rõ sự đối lập của các tình tiết trong tác phẩm giữa *Thế giới như nó đang là* và *Thế giới có thể là và phải là* để nêu bật lên tư tưởng, tình cảm của tác giả gửi gắm trong đó.

a. Hai đứa trẻ của Thạch Lam:

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm.

- *Thế giới như nó đang là* trong *Hai đứa trẻ*: một phố huyện nghèo xơ xác, đầy bóng tối, im lặng như miền đất chết; cuộc sống của con người sống đói khổ, đơn điệu, tẻ nhạt, những đứa trẻ thơ bị đánh cắp số phận...

- Dù không thoát li hiện thực như các nhà văn lãng mạn đương thời nhưng hiện thực mà Thạch Lam phản ánh không nhúc nhồi, khổ đau để lên án như văn học hiện thực. Chủ ý của nhà văn là từ hiện thực ấy làm sáng lên cái thế giới trong mơ ước của Liên và An, của những người dân nơi phố huyện và cũng là trong mơ ước của chính ông: Đây là thế giới của hạnh phúc, sung túc, êm đềm trong quá khứ (qua hồi ức của Liên); là thế giới của tương lai giàu có, đông đúc, đầy ánh sáng và niềm vui... qua hình ảnh chuyến tàu đêm mà nhà văn đã dựng công miêu tả. Hình ảnh đoàn tàu từ Hà Nội về là biểu tượng cho một thế giới “*có thể là*” và “*phải là*” mà nhà văn hướng đến để có cuộc sống tốt đẹp hơn.

b. Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân:

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm.

- *Thế giới như nó đang là* trong *Chữ người tử tù*: là thế giới của xã hội phong kiến bất công, tàn bạo, mọi giá trị bị đảo lộn; là nhà tù đầy bóng tối, tội ác, sự bản thủ...

- Nhưng Nguyễn Tuân không chú ý miêu tả thế giới “*nư nó đang là*” mà miêu tả thế giới của một thời vang bóng, thế giới của những bậc tài hoa, nghệ sĩ yêu cái đẹp, trọng cái tài, quý cái thiện lương. Đây là một thế giới của cái đẹp, một thế giới “*nư nó có thể là và phải là*” đã nảy sinh và đã chiến thắng cái thế giới “*nư nó đang là*”... Cảnh cho chữ diễn ra trong một thế giới đặc biệt *xưa nay chưa từng có* với ánh sáng của ngọn đuốc, mùi thơm của chậu mực, của những bậc tài hoa nghệ sĩ trong gông cùm vẫn uy nghi, đĩnh đạc sáng tạo cái đẹp.

2.4. Đánh giá, mở rộng vấn đề: (1.0 điểm)

- Khẳng định *Hai đứa trẻ* và *Chữ người tử tù* thực sự là những tác phẩm văn học lãng mạn. Nó đã tạo ra một thế giới “*nư nó có thể là và phải là*” – một thế giới tốt đẹp trong khát khao mơ ước của con người. Từ đó đặt niềm tin vào cuộc sống, vào cái đẹp, cái thiện lương của con người.

- Đánh giá tài năng nghệ thuật của hai nhà văn trong việc xây dựng tình huống, sử dụng ngôn ngữ, miêu tả nhân vật... để xây dựng một thế giới như nó “*có thể là và phải là*”.

- Tuy nhiên, cần thấy đây cũng là một hạn chế của văn học lãng mạn vì đã thoát li, quay lưng với hiện thực đời sống nóng bỏng của xã hội.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (10 – 12)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- *Điểm Khá (7 – 9)*: Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, vẫn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5)*: Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ĐỀ THI THAM KHẢO

(Đề thi có 01 trang)

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022**

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 6

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm) Đọc câu chuyện dưới đây:

Tại kì Thế vận hội đặc biệt Seatte (dành cho những người khuyết tật) có chín vận động viên đều bị khiếm khuyết về thể chất hoặc tinh thần, cùng tập trung về vạch xuất phát để tham dự cuộc thi 100m. Khi súng hiệu nổ, tất cả đều lao về phía trước với quyết tâm giành được chiến thắng. Trừ một cậu bé. Cậu cứ vấp ngã liên tục trên đường đua. Và cậu bật khóc. Tám người kia nghe tiếng khóc, giảm tốc độ và ngoái lại nhìn. Rồi họ quay trở lại. Tất cả, không trừ một ai! Một cô gái bị hội chứng Down dụi dãi xuống hôn cậu bé:

- Như thế này, em sẽ thấy tốt hơn.

Rồi tất cả chín người đều khoác tay sánh vai nhau đi về đích. Tất cả khán giả trong sân vận động đều đứng dậy và vỗ tay hoan hô không dứt.

Câu chuyện cảm động này đã lan truyền qua mỗi kì Thế vận hội về sau.

(Theo Quà tặng trái tim – NXB Trẻ)

Em có suy nghĩ gì sau khi đọc câu chuyện trên?

Câu 2 (12 điểm)

“Con hãy nghe nỗi buồn của rừng cây héo khô, của hành tinh lạnh ngắt, của chim muông què quặt. Nhưng trước mắt, con hãy nghe nỗi buồn người”.

(Nazim Hikmet)

Anh/Chị hiểu thế nào về ý kiến trên? Hãy suy nghĩ về nỗi buồn người của nhà văn Nam Cao trong những sáng tác của ông trước Cách mạng tháng Tám 1945.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 6

(Đáp án – Thang điểm gồm có 03 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích ý nghĩa của câu chuyện: (2.0 điểm)

- Có nhiều quan niệm khác nhau về hạnh phúc, tùy thuộc vào cảm nhận chủ quan của mỗi người (*Đưa ra một số quan niệm về hạnh phúc khác nhau đang tồn tại trong cuộc sống*).

- Hạnh phúc là sự thỏa mãn, niềm vui, sự sung sướng của con người có được trong cuộc sống (*Cần phân biệt giữa thỏa mãn và hạnh phúc*).

2.2. Bình luận và đưa lí lẽ chứng minh: (3.0 điểm)

- Hạnh phúc có ngay trong trái tim, tâm hồn mỗi con người. Hạnh phúc không phải là một khái niệm trừu tượng, mơ hồ, xa lạ mà từ những điều bé nhỏ, giản dị, gần gũi mà thân thiết (*ví dụ*).

- Hạnh phúc là sự sẻ chia. Hạnh phúc luôn hướng tới những điều tốt đẹp.

- Hạnh phúc chỉ có thể có được bằng con đường chân chính. Muốn có được phải trải qua một quá trình kiếm tìm gian nan, bền bỉ và tin tưởng.

- Hạnh phúc có được rất khó vì vậy, mỗi người đều phải biết trân trọng, nâng niu, giữ gìn.

2.3. Liên hệ, mở rộng: (3.0 điểm)

- Nêu dẫn chứng thực tế.

- Quan niệm về hạnh phúc chân chính khiến con người hướng tới lối sống đẹp.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (7 – 8)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- *Điểm Khá (5 – 6)*: Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- **Điểm Trung bình (4):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu – Kém (<4):** Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích nhận định: (2.0 điểm)

- Ý kiến trên là một lời nhắn nhủ về một lối sống đầy tình yêu thương.

+ Phải biết lắng nghe: biết quan sát, cảm nhận và thấu hiểu những nỗi buồn của vạn vật đang cạnh kiệt cạnh sự sống từ rừng cây héo khô, hành tinh lạnh ngắt, chim muông què quặt.

+ Và ông đặc biệt nhấn mạnh: nhưng trước nhất phải lắng nghe “*nỗi buồn người*”, nghĩa là phải lắng nghe, thấu hiểu, đồng cảm với nỗi buồn đau của con người trong cuộc sống. Mà muốn nghe được nỗi buồn người thì phải có một tâm hồn tinh tế, một tấm lòng nhân ái giàu tình cảm yêu thương.

- Ý kiến trên là một lời nhắn nhủ rất sâu sắc cho mỗi con người, bởi lẽ: phẩm chất quan trọng nhất của con người trên đời chính là lòng nhân ái. Lòng nhân ái sẽ là ngọn nguồn cho mọi phẩm chất khác.

2.2. Phân tích, bàn luận vấn đề: (3.0 điểm)

*** Suy nghĩ về nỗi buồn người của người nghệ sĩ nói chung và của nhà văn Nam Cao nói riêng:**

- Sống ở trên đời, ai cũng cần phải có lòng nhân ái. Nhất là với nghệ sĩ bởi những tác phẩm văn học thật sự có giá trị là những tác phẩm chan chứa tình yêu thương con người, và chỉ có lòng yêu thương chân thành đối với con người mới là cơ sở để họ trở thành một nhà văn chân chính.

- Văn học và đời sống luôn có mối quan hệ khăng khít với nhau như máu thịt, mà nhà văn cũng như người “*thư ký trung thành của thời đại*” (Banlzac). Nhưng nhà văn không chỉ “ghi chép” lại hiện thực một cách khô khan mà còn thể hiện sự cảm thông, chia sẻ với những cuộc đời đang quần quai đốn đau với tất cả tấm lòng mình và nói lên khát vọng của họ. Đúng như lời Tố Hữu: “*Văn học không chỉ là văn chương mà thực chất là cuộc đời. Văn học sẽ không là gì nếu không vì cuộc đời mà có. Cuộc đời là nơi xuất phát, cũng là nơi đi tới của văn học*”.

- Nam Cao là một nhà văn hiện thực tâm lí xuất sắc, nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn của Văn học Việt Nam hiện đại. Sở dĩ ông có một vị trí vững vàng trên văn đàn và trong lòng độc giả bao thế hệ không chỉ là nhờ tài năng nghệ thuật bậc thầy mà còn do tấm lòng yêu người, thương đời vô bờ bến.

- Mỗi tác phẩm của Nam Cao đều “*vì cuộc đời mà có*” nên ông đã viết bằng cả trái tim. Và vì “*Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm chính là con người*” (Nguyễn Minh Châu) nên Nam Cao quan tâm đặc biệt đến con người, vì con người.

2.3. Chứng minh qua những sáng tác của Nam Cao trước Cách mạng: (5.0 điểm)

a. Bối cảnh xã hội: Xã hội Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám (chế độ thực dân nửa phong kiến) là một xã hội đen tối mà ở đó có bao mảnh đời đang rên xiết, quần quai, đang sống thoi thóp. Có thể thấy “*nỗi*

buồn người” mà Nam Cao đã “*lắng nghe*” được là không ít. Tuy nhiên, sáng tác của ông trước Cách mạng tháng Tám 1945 tập trung vào số phận người nông dân nghèo và người trí thức nghèo. Trong số đó không thể không nhắc đến hai tác phẩm tiêu biểu: *Chí Phèo* và *Đời thừa*. Cả hai tác phẩm cùng thể hiện giá trị nhân đạo sâu sắc.

b. *Nỗi buồn người* mà Nam Cao lắng nghe được qua tác phẩm *Chí Phèo*:

- “*Nỗi buồn người*” mà Nam Cao đã “*lắng nghe*” được thể hiện qua tấm lòng xót thương, cảm thông sâu sắc với nỗi khổ của người nông dân (Chí Phèo).

+ Chí Phèo bị bỏ rơi, nghèo khổ, ở đợ kiếm sống;

+ Bị đày đọa, lăng nhục, **bị cự tuyệt quyền làm người**.

- Nhà văn không chỉ đi sâu miêu tả bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của người nông dân (Chí Phèo) mà ông còn bên vực họ; lên án gay gắt những thế lực tàn bạo đã gây nên tấn bi kịch đau thương ấy; đồng thời khám phá, phát hiện; trân trọng, tin tưởng vào những phẩm chất tốt đẹp của người lao động.

c. *Nỗi buồn người* mà Nam Cao lắng nghe được qua truyện ngắn *Đời thừa*:

- “*Nỗi buồn người*” mà nhà văn Nam Cao đã “*lắng nghe*” được thể hiện qua nỗi xót xa thương cảm trước những khổ đau của nhà văn Hộ khi anh bị **sụp đổ giấc mộng văn chương và vi phạm nguyên tắc sống tình thương** (*phân tích hai bi kịch tinh thần của nhà văn Hộ*).

- Nhà văn không chỉ đi sâu miêu tả về bi kịch sụp đổ giấc mộng văn chương và bi kịch tình thương mà còn lên án tố cáo thế lực đã gây ra nỗi đau cho nhà văn Hộ, đẩy Hộ đến bờ vực của sự tha hóa, của bi kịch khủng khiếp; đồng thời nhà văn cũng đã phát hiện và trân trọng, nâng niu, tin tưởng vào vẻ đẹp tâm hồn của nhà văn Hộ,

⇒ **Giá trị nhân đạo sâu sắc.**

2.3. Đánh giá chung: (2.0 điểm)

- Ý kiến trên của Nazim Hikmet là một lời nhắn nhủ rất sâu sắc đến mọi người nói chung và người nghệ sĩ nói riêng. Sống là phải biết lắng nghe, thấu hiểu, sẻ chia với nỗi buồn đau của con người. Theo đó thì Nam Cao chính là một người nghệ sĩ giàu lòng nhân ái, yêu thương con người.

- Văn học nuôi dưỡng tấm lòng đồng cảm với đồng loại, kích thích khát vọng vượt lên trên cái tầm thường, hữu hạn để sống cuộc đời cao đẹp và có ý nghĩa hơn. Vì vậy, để có thể lắng nghe được “*nỗi buồn người*”, văn học là con đường lí tưởng để sẻ chia, đồng cảm. Nhà văn Nam Cao đã làm điều đó rất thành công.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (10 – 12)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- *Điểm Khá (7 – 9)*: Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, văn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5)*: Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- HẾT -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 7

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm)

Nam Cao từng viết trong tác phẩm *Lão Hạc*: “*Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương*”.

Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về bài học cuộc sống được nhà văn ngầm đề xuất qua ý kiến trên.

Câu 2 (12 điểm)

Biêlinxki đã viết: “*Bất cứ thi sĩ vĩ đại nào, sở dĩ họ vĩ đại bởi vì những đau khổ và hạnh phúc của họ bắt nguồn từ khoảng sâu thẳm của lịch sử xã hội; bởi vì họ là khí quan và đại biểu của xã hội, của thời đại và của nhân loại.*”

(Dẫn theo *Lý luận văn học*, Phương Lưu, NXB Giáo dục, 1997, trang 361)

Bằng những kiến thức và qua một số tác phẩm thơ mà anh/chị đã học trong chương trình trung học phổ thông, hãy làm sáng tỏ nhận định trên?

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 7

(Đáp án – Thang điểm gồm có 03 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

- “Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ..., không bao giờ ta thấy họ..., không bao giờ ta thương”. Thực chất, câu văn đang ngầm đặt ra vấn đề: nếu cố tìm thì sẽ hiểu, sẽ không thấy họ “gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi...”, sẽ không “tàn nhẫn”, sẽ “thấy họ là những người đáng thương”, sẽ “thương” họ.

- Câu văn đã đưa ra một thực tế cuộc sống: khi không có tâm lòng, không có ý thức tìm hiểu, quan tâm đến đối tượng, con người chỉ thấy được những biểu hiện bên ngoài, thường là hạn chế, là tệ hại.

- Khi không hiểu rõ bản chất bên trong của đối tượng, ta thường có xu hướng đánh giá thấp hay gán cho đối tượng những định kiến lệch lạc. Từ đó mà sống và cư xử với đối tượng thiếu sự cảm thông, chia sẻ, thiếu tình người.

- Trong cuộc sống, không nên chỉ căn cứ vào hiện tượng mà cần suy xét sâu xa đến bản chất; phải luôn nhìn nhận con người và sự việc gắn với từng hoàn cảnh cụ thể, khách quan; tuyệt đối không để những định kiến cá nhân, ích kỷ, hẹp hòi làm sai lệch những đánh giá của bản thân.

- Chỉ khi biết sống vì nhau và sống với tất cả tâm lòng, cuộc đời riêng của mỗi người cũng như cuộc sống chung của toàn xã hội mới thực sự có giá trị.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi* (7 – 8): Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- *Điểm Khá* (5 – 6): Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- **Điểm Trung bình (4):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu – Kém (<4):** Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích ý kiến: (2.0 điểm)

- Nhà văn là người thư kí trung thành của thời đại. Qua những tác phẩm của họ, người đọc có thể hiểu được phần nào diện mạo bức tranh đời sống của một thời đại.

- Qua một tác phẩm văn học lớn, những bức tranh đời sống của thời đại, đặc biệt là tiếng nói của con người trong thời đại đó, được thể hiện bằng tiếng nói đại diện của chính nhà văn, người nghệ sĩ sáng tạo.

- Nhà thơ lớn phải nói về cuộc sống bằng chính trái tim của mình; họ phải hiểu, cảm thông và chia sẻ với cuộc sống của nhân dân. Từ đó, những vấn đề trong tác phẩm của họ chính là tiếng nói đại diện cho số phận của những người dân trong đời sống xã hội.

- Văn học là tấm gương phản ánh hiện thực. Nhà văn có vai trò là người thư kí trung thành của thời đại. Nhưng đặc biệt, để trở thành thi sĩ vĩ đại, người viết cần phải có một trái tim đồng cảm với tiếng nói của nhân dân để từ đó có thể chia sẻ những hạnh phúc hay đau khổ của họ trong mỗi tác phẩm của mình; và tác phẩm mới trở thành tiếng nói đại diện cho tiếng nói của dân tộc trong một thời đại.

2.2. Bàn luận: (3.0 điểm)

Khẳng định ý kiến trên của Bêlinxki là đúng đối với những người nghệ sĩ chân chính qua mọi thời đại.

2.3. Phân tích: (5.0 điểm)

a. Giới thiệu: Giới thiệu sơ lược về tác giả và sơ lược về tác phẩm cần chứng minh.

b. Phân tích ý kiến của Biêlinxki qua 02 tác phẩm (chọn chi tiết, đoạn thơ đắt giá để phân tích, không phân tích hết cả tác phẩm):

2.4. Mở rộng vấn đề: (1.0 điểm)

- Vai trò của người nghệ sĩ trong sáng tác văn học nghệ thuật là rất quan trọng. Thông qua những tác phẩm nghệ thuật lớn người ta có thể hiểu được cuộc sống của một thời đại.

- Người nghệ sĩ phải sáng tác bằng tất cả sự cảm nhận và rung động từ trái tim; phải thấu hiểu, cảm thông và chia sẻ với từng thân phận con người trong cuộc sống... Giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm là thước đo tâm vóc nhà sáng tác; và muốn trở thành vĩ đại, thi sĩ phải là người đại diện cho ngôn ngữ và tiếng lòng của một thời đại.

2.5. Khẳng định giá trị của ý kiến: (1.0 điểm)

Ý kiến trên của Biêlinxki đã đánh giá đúng vai trò, vị trí của nhà văn trong sáng tác văn học nói riêng và đời sống nghệ thuật nói chung. Điều đó đã được chứng minh qua tác phẩm thơ.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (10 – 12)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- *Điểm Khá (7 – 9)*: Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, văn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5)*: Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 8

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm)

Voltaire cho rằng: “*Kẻ đa nghi mở đường cho phản bội*”.

Karl Marx thì quan niệm: “*Hãy hoài nghi tất cả*”.

Theo anh/chị, trong cuộc sống chúng ta có nên *đa nghi* hay *hoài nghi* mọi vấn đề? Hãy viết một bài văn để trình bày cách hiểu của anh/chị về hai quan niệm sống nêu trên.

Câu 2 (12 điểm)

“*Nội tâm nhân vật thường có nét riêng cho thấy những bí ẩn của tâm hồn, phẩm chất, lí tưởng của nhân vật. Đặc biệt là những thay đổi trong ý thức, thái độ sống và tâm lí của nhân vật qua các giai đoạn.*”

(Ngữ văn 12 – Nâng cao, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2008, tr. 196)

Từ việc tìm hiểu nhận định trên, hãy phân tích đời sống nội tâm của một nhân vật trong tác phẩm truyện được học vốn đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng anh/chị.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 8

(Đáp án – Thang điểm gồm có 03 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích nhận định: (1.0 điểm)

- **Nhận định 1:** *Kẻ đa nghi* là kẻ không tin tưởng vào mọi người xung quanh mình, luôn hoài nghi, suy diễn vào mọi hành vi, lời nói của người khác. Điều đó dẫn đến một hệ lụy tất yếu là làm rạn nứt mối quan hệ giữa người với người, khiến họ trở mặt, quay lưng đối với những người thân thiết, gần gũi với mình và bị chính những người thân thiết từ bỏ, phản bội.

- **Nhận định 2:** Sự *hoài nghi* mà Marx đề cập là óc hoài nghi khoa học. Đứng trước mọi chân lí của đời sống xã hội và tự nhiên, con người phải có tinh thần phủ định triết học, đừng bao giờ quá cả tin vào những chân lí được xem là bất biến.

2.2. Bàn luận vấn đề: (3.0 điểm)

a. Tại sao sự *đa nghi* lại là nguồn cơn dẫn đến *sự phản bội*?

- Một kẻ không biết tin tưởng bất kỳ ai, luôn suy diễn mọi việc theo hướng tiêu cực, nghĩ xấu về lời nói, hành động của kẻ khác... Điều đó dễ dàng dẫn đến việc họ sẽ có những hành động trở mặt, gây hại đến kẻ khác vì những kết luận thiếu chính xác của mình (*Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng*).

- Một khi con người không tin tưởng kẻ khác, điều đó dẫn đến tình cảm và lòng tin của kẻ khác dành cho anh ta giảm sút. Nó làm tổn thương tình cảm, lòng tự trọng của kẻ khác, từ đó dẫn đến việc họ quay lưng, trở mặt, dù là người thân thiết nhất.

b. Tại sao nên *hoài nghi* tất cả?

- Những điều ta biết chưa hẳn đã là chân lí chuẩn xác. Óc hoài nghi khoa học giúp chúng ta biết tự loại trừ, phủ định những điều sai trong nhận thức của bản thân về thế giới, từ đó tạo động lực để ta tìm tòi những giá trị mới mẻ, đúng đắn.

- Thế giới không ngừng vận động, mọi tri thức về con người, thế giới tự nhiên và xã hội không ngừng biến đổi mới mẻ, óc hoài nghi khoa học giúp con người không ngừng nhận thức về thế giới một cách tiến bộ, kịp thời.

- Hoài nghi vừa giúp ta sàng lọc tri thức, hiểu biết vừa là động lực của sự tiến bộ, phát triển của mỗi cá nhân cũng như trí tuệ của nhân loại.

2.3. Phản đề, mở rộng: (2.0 điểm)

- Không nên đa nghi khác với sự cẩn trọng, do đó, làm người, không nên quá cả tin nhưng phải biết cẩn trọng suy xét mọi thứ một cách đúng mực.

- Tinh thần hoài nghi khoa học phải được xác lập trên cơ sở lí tính và óc logic khách quan, không được sa vào lối hoài nghi, suy diễn tùy tiện. Điều đó rất dễ dẫn đến nhận thức méo mó về mọi thứ.

- Hai nhận định không hề mâu thuẫn nhau. Mỗi nhận định bàn về một khía cạnh của cuộc sống, bổ sung cho nhau:

+ Nhận định 1: Lối nghĩ, lối hành xử trong các mối quan hệ giữa người với người.

+ Nhận định 2: Kỹ năng sống, kỹ năng tư duy trước thế giới không ngừng vận động xung quanh.

2.4. Bài học nhận thức: (2.0 điểm)

- Nên biết suy xét cẩn trọng trong mỗi quan hệ, song phải biết đặt lòng tin, niềm tin vào đúng người, đúng việc. Một kẻ không tin bất kì ai thì cũng sẽ không nhận được sự tin tưởng của kẻ khác.

- Phải có tinh thần phản biện khoa học khách quan và khả năng phân tích, nhận thức tinh nhạy trước những biến đổi của cuộc sống để không ngừng tiến bộ.

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (7 – 8):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- **Điểm Khá (5 – 6):** Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- **Điểm Trung bình (4):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu – Kém (<4):** Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Tìm hiểu nhận định: (4.0 điểm)

- Nội tâm là một phương diện biểu hiện của nhân vật. Nhân vật có vai trò là yếu tố quan trọng hàng đầu trong thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết (Các yếu tố khác: ngoại hình, hành động, biến cố, ngôn ngữ, các mối quan hệ với các nhân vật và với hoàn cảnh xung quanh).

- Nội tâm giúp người đọc thấy rõ “những bí ẩn của tâm hồn, phẩm chất, lí tưởng” của nhân vật; nội tâm của mỗi nhân vật do đó thường đặc sắc, có nét riêng, nét khác biệt so với các nhân vật khác trong tác phẩm và cả với nhân vật đồng dạng trong các tác phẩm khác.

- Nhà văn luôn chú ý xây dựng “những đổi thay trong ý thức, thái độ sống và tâm lí của nhân vật qua các giai đoạn” nhằm làm nổi bật nhân vật và góp phần thể hiện ý đồ sáng tác của mình.

⇒ **Nhận định trên vừa nêu lên vai trò của nội tâm trong việc thể hiện nhân vật vừa xác định cá tính sáng tạo mà nhà văn thể hiện qua việc xây dựng đời sống nội tâm nhân vật, để lại dấu ấn riêng trong tác phẩm và trong đời sống văn học. Qua đó, giúp bạn đọc có ý thức thêm về yếu tố này khi đọc tiểu thuyết và truyện ngắn.**

2.2. Phân tích nội tâm nhân vật trong tác phẩm văn học: (8.0 điểm)

* Học sinh chọn tác phẩm được học trong chương trình Ngữ văn và phân tích nhân vật theo hướng nhận định đã nêu. Chú ý các điểm cơ bản sau đây:

- Chọn được nhân vật thực sự có giá trị trong việc thể hiện đời sống nội tâm;

- Phân tích được nét riêng trong nội tâm nhân vật, qua đó làm rõ “những bí ẩn của tâm hồn, phẩm chất, lí tưởng” của nhân vật.

- Chỉ ra “những đổi thay trong ý thức, thái độ sống và tâm lí của nhân vật qua các giai đoạn” để khẳng định giá trị của nhân vật cũng như ý đồ sáng tác của nhà văn.

* **Lưu ý:** Học sinh phân tích nhuần nhuyễn các chi tiết biểu hiện đời sống nội tâm nhân vật, luôn có sự gắn kết với nhận định.

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (10 – 12):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- **Điểm Khá (7 – 9):** Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, vẫn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- **Điểm Trung bình (6):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu (4 – 5):** Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Kém (1 – 3):** Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 9
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm) Đọc câu chuyện sau:

TẤT CẢ SỨC MẠNH

Có một cậu bé đang chơi ở đồng cát trước sân. Khi đào một đường hầm trong đồng cát, cậu bé đụng phải một tảng đá lớn. Cậu bé liền tìm cách đẩy nó ra khỏi đồng cát. Cậu bé dùng đủ mọi cách, cố hết sức lực nhưng rốt cuộc vẫn không thể đẩy được tảng đá ra khỏi đồng cát. Đã vậy bàn tay cậu còn bị trầy xước, rướm máu. Cậu bật khóc rầm rức trong thất vọng.

Người bố ngồi trong nhà lặng lẽ theo dõi mọi chuyện. Và khi cậu bé bật khóc, người bố bước tới: “Con trai, tại sao con không dùng hết sức mạnh của mình?”. Cậu bé thổn thức đáp: “Có mà! Con đã dùng hết sức rồi mà bố!”.

“Không con trai – người bố nhẹ nhàng nói – con đã không dùng đến tất cả sức mạnh của con. Con đã không nhờ bố giúp”. Nói rồi người bố cúi xuống bới tảng đá ra, nhắc lên và vứt đi chỗ khác.

(Theo báo Tuổi trẻ – Bùi Xuân Lộc phỏng dịch từ *Faith to Move Mountains*)

Suy nghĩ của anh/chị về bài học rút ra từ câu chuyện trên?

Câu 2 (12 điểm)

Nhà văn Ivan Turgenev cho rằng: “Cái quan trọng trong tài năng văn học là tiếng nói của mình, là cái giọng riêng biệt của chính mình không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kì một người nào khác”.

(Dẫn theo Khrapchenko, *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học*, NXB Tác phẩm mới, 1978)

Bằng những kiến thức mà anh/chị đã học và qua một số bài thơ tiêu biểu, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 9

(Đáp án – Thang điểm gồm có 03 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích:

- Câu nói có hai ý chính: vẻ đẹp của hình thức bên ngoài vốn là một hạnh phúc của con người; những vẻ đẹp của tâm hồn bên trong sẽ càng làm con người hạnh phúc hơn, nhất là khi gắn liền với lương tâm và sự tự trọng.

- Câu nói muốn khẳng định một ý thức, một quan điểm sống: biết quý trọng vẻ đẹp bên ngoài nhưng cần nhất là phải luôn tu dưỡng, rèn luyện đời sống tâm hồn, nhân cách bên trong để xứng đáng là Con Người.

2.2. Bình luận:

a. Phương châm cuộc sống:

- Biết trân trọng vẻ đẹp hình thức bên ngoài; đồng thời thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đời sống tâm hồn, nhân cách bên trong;

- Luôn phấn đấu để đạt đến sự hài hòa giữa bên ngoài và bên trong;

- Lấy lương tâm và sự tự trọng, tự tôn làm thước đo giá trị đời sống...

b. Sự thận trọng cần thiết:

- Không chạy theo hình thức bên ngoài, song cũng không nên bỏ bê bề ngoài quá lồi thối, luộm thuộm; cần xác định rõ đâu là điểm dừng của hình thức bên ngoài, không tự biến mình thành nô lệ của hình thức;

- Tu dưỡng, rèn luyện tâm hồn, nhân cách theo chuẩn mực đạo đức, đạo lý xã hội; lấy đó làm mục tiêu phấn đấu hoàn thiện mình, tự tin để cùng tồn tại và phát triển hài hòa với cộng đồng...

2.3. Bài học về nhận thức và lối sống:

- Hình thức bên ngoài và phẩm chất bên trong đều có giá trị tôn vinh con người;

- Mỗi người cần không ngừng rèn luyện, tu dưỡng, trau dồi để phát triển và hoàn thiện tâm hồn, nhân cách, trí tuệ của cá nhân, góp phần vào sự phát triển chung của cộng đồng;
- Mỗi người cần lấy lương tâm và sự tôn trọng làm thước đo, làm chuẩn mực đời sống; hướng tới một xã hội có trách nhiệm, có ý thức ngày càng cao...

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (7 – 8):* Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.
- *Điểm Khá (5 – 6):* Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.
- *Điểm Trung bình (4):* Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.
- *Điểm Yếu – Kém (<4):* Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.
- *Điểm 0:* Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.
- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giới thiệu vấn đề:

- Nhà văn I.X Tuốc- ghê- nhép cho rằng: Cái quan trọng trong tài năng văn học là tiếng nói của mình, là cái giọng riêng biệt của chính mình không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kì một người nào khác.
- Xuân Diệu, nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới. Qua sáng tác của mình, ông đã in được dấu vào nền văn học với một giọng riêng biệt, độc đáo hiếm thấy.

2.2. Giải thích ý kiến:

- *Tài năng văn học:* Khả năng văn học, sự giỏi giang, điều luyện của người nghệ sĩ ngôn từ trong sáng tạo nghệ thuật. Tài năng văn học còn là cách nói hoán dụ để chỉ những nhà văn nhà thơ có tài.
- *Nói:* Là thể hiện thành lời một nội dung nào đó, *giọng:* Là cách phát âm, cách nói. *Tiếng nói của mình, cái giọng riêng biệt của chính mình:* Là cách diễn đạt, cách thể hiện độc đáo của một cá nhân về vấn đề nào đó.

- *Không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kì một người nào khác:* Duy nhất, không thể có người thứ hai giống mình.

⇒ **Nhận định là cách nói hình ảnh có tính chất đúc kết về cái quan trọng của những tài năng văn học lớn. Đó là: Một nghệ sĩ có tài phải là người có phong cách riêng độc đáo, không lẫn với bất cứ ai, không giống với bất cứ người nào.**

2.3. Bình luận ý kiến:

- Phong cách nghệ thuật của nghệ sĩ là một cái gì đó bền vững, xuyên suốt, lặp đi lặp lại trong các sáng tác trên cả hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật. Nói cách khác phong cách là biểu hiện tài nghệ

của người nghệ sĩ ngôn từ trong việc đem đến cho người đọc một cái nhìn mới mẻ chưa từng có về cuộc đời thông qua những phương thức, phương tiện nghệ thuật mang đậm dấu ấn cá nhân người sáng tạo.

- Phong cách nghệ thuật biểu hiện ở cái nhìn có tính chất khám phá, ở giọng điệu riêng biệt, ở hệ thống hình tượng, ở các phương diện nghệ thuật...

- Điều quan trọng trong tài năng của người nghệ sĩ là cái riêng biệt, độc đáo mà không ai có thể bắt chước, làm theo. Đây vừa là yêu cầu, vừa là tiêu chuẩn để đánh giá vị trí của nghệ sĩ ấy trên văn đàn. Cái riêng ấy sẽ giúp họ ghi được dấu ấn trên nền văn học, được người đọc yêu mến, tôn vinh.

2.4. Phân tích tác phẩm để làm sáng rõ vấn đề:

* *Làm sáng tỏ ý kiến của Tuốc-giê-nhép qua các tác phẩm thơ đã được học trong chương trình Phổ thông (chọn 02 tác phẩm):*

2.5. Mở rộng vấn đề:

- Phong cách độc đáo chính là yếu tố quyết định tài năng và sức sống của tác phẩm văn học.

- Tác giả đã khẳng định được vị trí của mình trên văn đàn bởi giọng điệu riêng biệt của chính mình mà không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kì một người nào khác.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (10 – 12):* Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- *Điểm Khá (7 – 9):* Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, vẫn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6):* Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5):* Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3):* Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0:* Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 10
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm) Đọc bài thơ sau:

... “Có những lần tôi nói dối mẹ
Hôm sau tưởng phải ăn đòn.
Nhưng không, mẹ chỉ buồn
Ôm hôn tôi lên mái tóc
- Con ơi trước khi nhắm mắt
Cha con dặn con suốt đời
Phải làm một người chân thật.
- Mẹ ơi, chân thật là gì?
Mẹ tôi hôn lên đôi mắt
- Con ơi một người chân thật
Thấy vui muốn cười cứ cười
Thấy buồn muốn khóc là khóc
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét.
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu...”

(Lời mẹ dặn – Phùng Quán)

Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề đặt ra trong đoạn thơ?

Câu 2 (12 điểm)

“*Thơ mới là thơ của cái Tôi*”

(Lê Đình Ky, *Thơ mới, những bước thăng trầm*)

Bằng một số tác phẩm đã học trong thời kì thơ mới, anh/chị hãy làm rõ ý kiến trên?

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ĐỀ THI THAM KHẢO

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022**

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 10

(Đáp án – Thang điểm gồm có 03 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, miễn là làm sáng tỏ vấn đề sống chân thật.

2.1. Giải thích ý nghĩa của bài thơ: (2.0 điểm)

- Đoạn trích trong tác phẩm “Lời mẹ dặn” của Phùng Quán dựng nên tình huống của một đứa trẻ nói dối mẹ, từ đó dẫn đến lời dạy đầu tiên và cuối cùng của người cha dành cho con: “suốt đời hải làm một người chân thật.”

- Chân thật nghĩa là trong lòng như thế nào thì bày tỏ ra ngoài đúng như thế. Người chân thật tức là người sống đúng với mình, sống ngay thẳng, không giả dối, giả tạo. (Theo *Từ điển Tiếng Việt*).

- Đoạn thơ đã khẳng định một phương châm sống đúng đắn của con người. Chân thật là thái độ sống con người cần có, phải có trong suốt cuộc đời mình. Người mẹ đã dạy con sống chân thật bằng định hướng hành động, cảm xúc cụ thể: sống chân thật với chính mình; sống chân thật với cuộc đời.

2.2. Bàn luận: (4.0 điểm)

- Chân thật với mình là khi con người đối diện với bản thân, sống đúng với cảm xúc, khả năng, ước mơ, trở thành chính mình, làm những điều mình nói và nói những điều mình nghĩ.

Thấy vui muốn cười cứ cười

Thấy buồn muốn khóc là khóc

- **Sống chân thật với chính mình, con người sẽ cảm thấy hạnh phúc từ bên trong, tự tin, bản lĩnh chinh phục thế giới bên ngoài. Cộng đồng coi trọng lẽ sống chân thực sẽ tạo dựng được niềm tin, yên bình, phát triển bền vững.**

- **Chân thật với cuộc đời là dùng sự chân thật của bản thân giao tiếp với con người, xã hội. Trước những cám dỗ, thử thách trong hành trình trưởng thành, người chân thật sẽ sống đúng với cảm xúc, đứng về lẽ phải.**

*Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét.
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu...*

- Phê phán hành động giả dối: trong học tập, kinh doanh,...

* **Lưu ý:** Các luận điểm thí sinh đưa dẫn chứng phù hợp để chứng minh, bảo vệ cho lập luận của mình.

2.3. Bài học nhận thức và hành động: (2.0 điểm)

- Sống chân thực là thái độ sống vừa dễ dàng, vừa khó khăn. Để có thể bảo vệ lẽ sống chân thật, con người cần có sự dũng cảm, thông minh và khéo léo.

- Rèn luyện thái độ sống chân thực từ cách suy nghĩ, lựa chọn và hành động.

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (7 – 8):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- **Điểm Khá (5 – 6):** Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- **Điểm Trung bình (4):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu – Kém (<4):** Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giới thiệu được vấn đề nghị luận: (1.0 điểm) (Sử dụng câu nói của đề bài để giới thiệu)

2.2. Giải thích vấn đề và bàn luận: (3.0 điểm)

- **Cái Tôi** trong thơ ca được hiểu là cái tôi của cảm xúc, là cá tính sáng tạo của nhà thơ. Vì thơ ca là hoạt động sáng tạo tinh thần, là sự tự thể hiện mình một cách trực tiếp và chân thành nhất, cho nên thơ ca in đậm dấu ấn cá nhân của nhà thơ. Do đó, thơ ca là sự thể hiện cái tôi của nhà thơ sâu sắc nhất.

- **Thơ mới** là một cuộc cách mạng thơ ca trong tiến trình lịch sử văn học dân tộc ở thế kỷ XX. Sự xuất hiện của Thơ mới đi liền với sự ra đời của Phong trào Thơ mới 1932 – 1945. Phong trào Thơ mới đã mở ra “một thời đại trong thi ca”, mở đầu cho sự phát triển của thơ ca Việt Nam theo hướng hiện đại. Đây được xem như thời đại của **cái Tôi** – một thời đại chưa từng có trong lịch sử thơ ca Việt Nam. Thơ mới được coi là dàn hợp xướng của cái Tôi.

- Con người cá nhân, cá thể xuất hiện trong Thơ mới là con người trực tiếp đối diện với thế giới và đối diện với chính mình, là con người đã rũ bỏ gánh nặng của nhà luân lý với thơ và bằng thơ, là con người hoàn toàn tồn tại với tư cách là một cái tôi mang cảm xúc cá thể. Khám phá vườn Thơ mới, chúng ta có thể nhận ra hương sắc riêng của từng phong cách. Và cũng từ những vần thơ mang dấu ấn chủ thể sáng tạo ấy, cái Tôi phức tạp nhưng đầy hấp dẫn đã đi vào trung tâm thơ ca với đầy đủ ý nghĩa nhân bản. Đường như trước sự suy biến của xã hội, cùng ảnh hưởng bởi văn hóa Tây phương, cái Tôi trong Thơ mới bấy lâu dồn nén chột vờ òa. Cái Tôi đó vừa là sản phẩm, vừa là chủ thể của nền văn hóa mới. Các nhà Thơ mới đều có ý thức khẳng định mình như một thực thể duy nhất không lặp lại.

2.3. Chứng minh qua một số tác phẩm của các nhà thơ khác nhau: (6.0 điểm) (Thí sinh có thể chọn tác phẩm ở cấp II hoặc cấp III tùy ý, miễn phù hợp với đề bài, sau đây là một số gợi ý để tham khảo)

Cấp II	Cấp III
<p>- Với tác phẩm “Nhớ rừng” của nhà thơ Thế Lữ, ông đã thể hiện cái Tôi muốn thoát ly khỏi xã hội thực tại; khát khao được sống tự do, thoát khỏi tù túng bằng cách mượn hình ảnh của con hổ bị nhốt sau cũi sắt để đến với thế giới bao la hơn.</p> <p>- Tế Hanh cũng xuất hiện trong phong trào <i>Thơ mới</i> nhưng lại không chìm đắm trong <i>cái tôi</i> riêng tư, những tư tưởng chán đời, thoát ly với thực tại như nhiều nhà thơ thời ấy. Thơ Tế Hanh là thơ của một tâm hồn bình dị, hồn thi sỹ đã hoà quyện cùng với hồn nhân dân, hồn dân tộc, hoà vào “<i>Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng</i>”. Đúng như Hoài Thanh đã nhận xét: “<i>Tế Hanh là một người tinh lắm, Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy được cả những điều không hình sắc, không thanh âm như mảnh hồn làng, trên cánh buồm giương...</i>”.</p> <p>- ...</p>	<p>* Với thơ của Xuân Diệu, cái Tôi có ý thức cá nhân mạnh mẽ, đầy lòng ham sống thể hiện qua:</p> <p>- Cách nhìn đời trẻ trung qua lăng kính tình yêu. Vẻ đẹp của con người được ông lấy làm chuẩn mực cho cái đẹp của tự nhiên.</p> <p>- Tình cảm thiết tha, rạo rực, đắm say (bộc lộ ham muốn khác thường; cách giới thiệu say sưa, vô đập; cảm nhận thế giới chung quanh bằng mọi giác quan) vừa vội vàng, quyến luyến do cảm nhận được đi nhanh chóng của thời gian.</p> <p>- Không những thế, cái Tôi còn thể hiện qua sự cảm nhận tinh tế, nắm bắt được những cái xôn xao, mơ hồ trong sự biến chuyển của tạo vật, của lòng yêu nao nức.</p> <p>- Chúng còn xuất phát từ lòng yêu đời, ham sống đến mãnh liệt với những cảm xúc bạo dạn, mới mẻ trong đời thực chứ không phải thứ tình ảo mộng.</p> <p>- Cái Tôi trữ tình được thể hiện bằng giọng điệu say mê; nhịp điệu gấp gáp; chuyển đổi thể thơ linh hoạt; từ ngữ táo bạo.</p> <p>* Cái Tôi trong thơ của Nguyễn Bính không ồn ào, sôi nổi mà nhẹ nhàng, đằm thắm, kín đáo mang một nét duyên thầm:</p> <p>- Đó là cái Tôi với một môi tình lặng nhưng nỗi buồn, nỗi sầu cứ da diết lòng người. Mọi cái Tôi ẩn kín nhưng nỗi niềm cứ băng khuâng cả không gian làng quê, cả lòng người.</p>

- Đó là cái Tôi thả hồn mình nương nấu ở bến nước, gốc đa, mái đình, ở điệu hồn dân tộc, ở những giá trị văn hóa của ngày hôm qua.

- Đó là cái Tôi chân chất, mộc mạc trong cách nghĩ, cách cảm, cách nói nhưng duyên dáng, có nét duyên thầm khiến người ta nhớ lâu, cái tình thì thấm sâu bền chặt.

+ Đó là cái Tôi của điệu hồn dân tộc qua lối nói, cách sử dụng hình ảnh, thể thơ,...

* Học sinh chọn những bài thơ phù hợp để nêu bật cái Tôi của nhà thơ trong thời kì Thơ mới.

2.4. Ý nghĩa và giá trị cái Tôi của nhà thơ trong thời kì Thơ mới: (2.0 điểm)

- Góp phần khẳng định tài năng, vị trí của từng nhà thơ trong phong trào Thơ mới nói riêng và trong nền thơ hiện đại Việt Nam nói chung.

- Giai đoạn 1932 – 1945, con người cá nhân được ý thức và khẳng định, cái Tôi được giải phóng. Thơ mới có khả năng diễn đạt những rung cảm tinh tế của cái Tôi cá nhân, tạo nên sự cách tân đáng kể so với thơ cũ.

- Trong phong trào Thơ mới, mỗi cái Tôi mang một hương sắc riêng tạo nên một thế giới đa dạng, phong phú về phong cách. Sự bùng nổ của cái tôi đã đưa thơ vươn tới báo giá trị mới chưa từng có trước đó.

- Sự bùng nổ của cái tôi cùng với sự bùng nổ ngôn từ của Thơ mới đã đưa thơ Việt Nam bước vào và tiến nhanh trên con đường hiện đại hóa. Thơ mới là một dấu mốc quan trọng, đánh dấu một thời kỳ mới, mở ra thời kỳ hiện đại của thơ ca nước nhà, góp phần giải quyết được những so le lịch sử quá lớn giữa hiện thực cuộc sống và hiện thực thơ ca.

* **Lưu ý:** Đây là tham khảo chấm, khi giám khảo chấm thi phát hiện những bài thi có sự sáng tạo thì có thể cho điểm tuyệt đối phần đó dù có mắc một số lỗi diễn đạt nhưng không đáng kể.

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (10 – 12):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- **Điểm Khá (7 – 9):** Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, vẫn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- **Điểm Trung bình (6):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu (4 – 5):** Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Kém (1 – 3):** Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

----- HẾT -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ

LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 11

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm)

Nhà văn Mỹ Henry David Thoreau từng khuyên rằng: *“Hãy tự tin tiến bước theo hướng của ước mơ. Hãy sống cuộc đời bạn đã mơ tưởng.”*

Nhưng ngôn ngữ Nga lại có câu: *“Đừng sống theo điều ta ước muốn. Hãy sống theo điều ta có thể.”*

Anh/Chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về hai câu nói trên?

Câu 2 (12 điểm)

“Nhà thơ lớn ư? Là để cho nhân loại yêu sách mình bằng mọi cách

Khi thì nâng niu. Khi thì hạch sách

Khi giày vò mỗi chữ

Khi trân trọng ngấn từ xa

Nhà thơ vẫn vẹn nguyên qua trăm lần thử lửa.”

(Trích Thơ bình phương – Đời lập phương, Chế Lan Viên)

Bằng những kiến thức và qua một số bài thơ đã được học, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 11

(Đáp án – Thang điểm gồm có 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích các ý kiến: (2.0 điểm)

a. Câu nói của nhà văn Mỹ Henry David Thoreau: (1.0 điểm)

- Đề cập đến ước mơ của mỗi con người trong cuộc sống, ước mơ là điều tốt đẹp ở phía trước mà con người tha thiết, khao khát, ước mong hướng tới và đạt được.

- Câu nói trên chính là lời động viên, khích lệ con người sống phải biết ước mơ, phải có khát khao, hoài bão, có như vậy cuộc sống mới thực sự có ý nghĩa.

b. Câu của ngạn ngữ Nga: (1.0 điểm)

- *Điều ta ước muốn:* là những khát vọng, ước mơ của con người.

- *Điều ta có thể:* là những gì nằm trong khả năng của bản thân.

→ Ý nghĩa của câu ngạn ngữ: *Con người cần chọn cách sống thực tế, phù hợp với khả năng của mình, để không rơi vào viễn vông.*

→ *Hai câu nói tưởng chừng như đối lập nhau nhưng lại bổ sung cho nhau, là lời khuyên đối với con người trong cuộc sống: để thành công và hoàn thiện chính mình, con người cần biết kết hợp giữa thực tại, khả năng của bản thân với ước mơ, hoài bão, khát vọng.*

2.2. Phân tích, chứng minh, bàn luận: (4.0 điểm)

a. Câu nói của nhà văn Mỹ Henry David Thoreau:

- Mỗi một con người tồn tại trên cõi đời này phải có riêng cho mình ước mơ, hi vọng, lí tưởng và mục đích sống của đời mình.

- Ước mơ của mỗi người trong cuộc đời cũng thật phong phú: có những ước mơ nhỏ bé, bình dị, có những ước mơ lớn lao, cao cả; có những ước mơ vụt đến rồi vụt đi.

- Ước mơ là nhựa sống để nuôi dưỡng tâm hồn ta lớn lên, sống có mục đích, có tương lai, hạnh phúc, cũng như câu nói: “*Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn.*”

- Cuộc đời sẽ tẻ nhạt, vô nghĩa biết bao khi con người sống không có ước mơ, khát vọng.

- Để ước mơ lớn lên, trưởng thành, con người cần phải vượt qua bao thăng trầm, vinh nhục, thậm chí phải nếm mùi cay đắng, thất bại. Nếu con người kiên trung với ước mơ, khát vọng, lí tưởng của mình thì họ sẽ đạt được điều mà mình mong muốn.

- Có những ước mơ thật nhỏ bé, bình dị nhưng con người cũng khó có thể đạt được: Những em bé bị mù, những em bé bị tật nguyền do chất độc màu da cam, những em bé mắc bệnh tim, ung thư máu, những căn bệnh hiểm nghèo,... vẫn hằng ấp ủ những ước mơ, hi vọng. Nhưng cái chính là họ không bao giờ để cho ước mơ của mình lụi tàn hoặc mất đi.

- Ước mơ sẽ không đến với những con người sống không lí tưởng, thiếu ý chí, nghị lực để vươn lên, lười biếng, ăn bám,...

b. Câu của ngạn ngữ Nga:

- Mặt **đúng** của vấn đề: Nêu ra một quan niệm sống tích cực, đem lại niềm vui, niềm tin cho mọi người.

+ Nếu “*ước muốn*” quá cao xa, không phù hợp với khả năng của bản thân thì việc làm không có kết quả. Từ đó, con người sẽ chán nản, mất niềm tin vào cuộc sống.

+ “*Điều ta có thể*” là sống theo những điều làm được trong khả năng của mình thì công việc có kết quả. Vì vậy, con người sẽ có niềm tin, phát huy năng lực đóng góp cho xã hội.

- Biểu hiện và tác dụng của lối sống theo “*điều ta có thể*”: dễ dàng đạt được thành công nhờ biết được năng lực của bản thân, đặt ra các mục tiêu hợp lí; cuộc sống nhẹ nhàng, thanh thản.

- Mặt **khác**: không nên phủ nhận tầm quan trọng của những khát vọng, ước mơ đối với mỗi con người trong cuộc sống...

2.3. Bài học nhận thức và hành động: (2.0 điểm)

a. Phê phán:

- Những người không dám ước mơ, hay không đủ ý chí, nghị lực mà nuôi dưỡng ước mơ của mình.

- Hiện tượng chạy theo ảo vọng, thiếu thực tế; hoặc luôn tự bằng lòng, thiếu ý chí vươn lên.

b. Bài học nhận thức và hành động:

- Mỗi người chúng ta hãy có cho mình một ước mơ, hi vọng. Nếu ai đó sống không có ước mơ, khát vọng thì cuộc đời tẻ nhạt, vô nghĩa biết nhường nào.

- Cần phấn đấu, nỗ lực học tập và rèn luyện để biến ước mơ thành hiện thực.

- Cần xác định lối sống thực tế, nắm bắt hạnh phúc trong thực tại.

- Cần có khát vọng, ước mơ nhưng không được xa rời, thoát li thực tế,...

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (7 – 8):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- **Điểm Khá (5 – 6):** Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- **Điểm Trung bình (4):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu – Kém (<4):** Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích ý kiến: (2.0 điểm)

- Ý kiến của Chế Lan Viên đề cập đến vấn đề: tiếp nhận tác phẩm của người đọc và sự trường tồn của tác phẩm văn học đích thực, của nhà văn lớn trong lòng bạn đọc.

- Quá trình ra đời và tồn tại của tác phẩm văn học bao giờ cũng gồm 2 khâu: sáng tác và tiếp nhận. Không có lao động nghệ thuật của người nghệ sĩ thì không có tác phẩm văn học. Nhưng nếu không có người tiếp nhận thì văn bản ấy mãi ngủ yên trên giấy, không thể trở thành tác phẩm nghệ thuật đích thực.

- Song mỗi người khi tiếp nhận tác phẩm văn học lại có ấn tượng riêng, cách hiểu và cảm nhận riêng. Đó là bởi:

+ Đặc trưng của văn học: phản ánh hiện thực qua thế giới hình tượng bằng chất liệu ngôn từ. Ngôn từ nghệ thuật hàm súc, biểu cảm, đa nghĩa. Chính điều đó làm nên vẻ đẹp và sức hấp dẫn cho tác phẩm. Mặt khác, sức hấp dẫn của tác phẩm nghệ thuật nói chung và thơ nói riêng chính là ở chỗ ý ở ngoài lời, tạo ấn tượng “cam dư vị”.

+ Nhà thơ không nói trực tiếp hoặc nói hết điều mình nghĩ và điều mình muốn nói mà thường chỉ gợi, nhiệm vụ của người đọc là phải cùng suy ngẫm, đồng sáng tạo.

- Cách hiểu của mỗi người phụ thuộc vào nhiều yếu tố song chủ yếu là do vốn sống, vốn văn hóa, tâm thế tiếp nhận.

- Tác phẩm nghệ thuật đích thực phải là khởi phát từ tài năng và trái tim yêu thương của người nghệ sĩ. Có như vậy tác phẩm mới có sức sống lâu bền trong trái tim bạn đọc. Đó cũng chính là ngọn *lửa thử vàng* đối với tác phẩm.

2.2. Phân tích, chứng minh: (8.0 điểm)

a. Khẳng định ý kiến của Chế Lan Viên là đúng đắn đối với người nghệ sĩ chân chính mọi thời đại. (1.0 điểm)

b. Làm sáng tỏ ý kiến qua 2 tác phẩm thơ đã được học (7.0 điểm).

Trong đó, thí sinh phải chỉ ra được:

- Giá trị nghệ thuật;
- Giá trị nội dung.

* **Lưu ý:** Theo cách làm bài chuẩn thì thí sinh phải chỉ được nghệ thuật trong câu thơ trước sau đó mới đi đến nội dung. Nếu thí sinh thiếu hoặc đảo lộn trình tự ở phần 2b. thì giám khảo cân nhắc về việc cho điểm phần này.

2.3. Đánh giá chung: (2.0 điểm)

- Để khám phá chiều sâu giá trị của tác phẩm nghệ thuật và khẳng định tài năng của người nghệ sĩ cần có trái tim đồng cảm, yêu thương, một tâm hồn đồng sáng tạo từ phía bạn đọc.

- Mỗi bạn đọc cần có thái độ trân trọng, tích cực, công tâm.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (10 – 12):* Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề.

Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- *Điểm Khá (7 – 9)*: Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, văn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5)*: Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022**

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 12
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm)

Pythagoras từng nói: “*Im lặng là cấp độ cao nhất của sự khôn ngoan. Ai không biết im lặng là không biết nói*”.

Martin Luther King Jr lại phát biểu rằng: “*Cuộc sống của chúng ta bắt đầu chấm dứt ngay trong cái ngày mà chúng ta giữ im lặng trước những vấn đề hệ trọng*”.

Anh/Chị hãy bày tỏ những suy nghĩ của mình về hai ý kiến trên? Từ những ý kiến đó, anh/chị hãy luận bàn về vấn đề cần *im lặng* hay *lên tiếng* trong cách đối nhân xử thế của con người trong cuộc sống.

Câu 2 (12 điểm)

Bàn về thơ, nhà thơ Ấn Độ R.Tagore viết: “*Cũng như nụ cười và nước mắt, thực chất của thơ là phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong*”.

Bằng những kiến thức và qua một số bài thơ đã được học, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022**

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 12

(Đáp án – Thang điểm gồm có 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích câu nói: (2.0 điểm)

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (7 – 8):* Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- *Điểm Khá (5 – 6):* Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- *Điểm Trung bình (4):* Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu – Kém (<4):* Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm 0:* Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích: (2.0 điểm)

- *Nụ cười và nước mắt*: là những trạng thái cảm xúc của tâm hồn, là niềm vui, nỗi buồn, hạnh phúc và đau khổ... Đó là những cung bậc, sắc thái phong phú đa dạng của tâm hồn, là biểu hiện của thế giới “bên trong” con người.

- *Phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong*: là cảm xúc đã đến độ chín, cao hơn, là sự thống nhất giữa cảm xúc và lí trí, giữa tư tưởng và tình cảm của nhà thơ. Thơ là tình nhưng không phải là những cảm xúc hời hợt mà là lí trí đã chín muồi, nhuần nhuyễn. Bài thơ nào cũng gói ghém bên trong một chiều sâu suy nghĩ, tư tưởng, chứa đựng ít nhiều chân lí của cuộc đời.

⇒ *Câu nói của Tagore đã nêu chính xác bản chất, đặc trưng của thơ là sự bộc lộ tình cảm, cảm xúc mãnh liệt đã được ý thức, được lắng lọc qua cảm xúc thẩm mỹ của nhà thơ.*

2.2. Lí giải vì sao thực chất của thơ là phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong: (3.0 điểm)

- Vì văn học bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, phản ánh cuộc sống trực tiếp hoặc gián tiếp. Tuy nhiên, không phải đơn giản là mô phỏng, sao chép, miêu tả sự vật bên ngoài, các sự kiện xảy ra mà là sự tái tạo thông qua thế giới chủ quan của người nghệ sĩ.

- Do đặc trưng của thơ ca: Nói đến thơ là nói đến cảm xúc, nhà thơ tái hiện cuộc sống thông qua những rung động của chủ thể trữ tình, bằng những xúc cảm mãnh liệt. Tình cảm mãnh liệt ở đây không phải là những khóc cười ồn ào bên ngoài mà là sự rung động mãnh liệt ở bên trong, sự giãy vò, chấn động trong tâm hồn. Nhà thơ phải sống rất sâu vào tâm hồn mình, lắng nghe các xao động, đau đớn, sướng vui với những xúc động nội tâm. Thiếu tình cảm mãnh liệt và sâu sắc thì sẽ không có thơ. Độ chín của cảm xúc nhà thơ làm nên chiều sâu của sự thể hiện cuộc sống và lay động tâm hồn người đọc.

2.3. Chứng minh: (5.0 điểm)

* *Thí sinh cần lấy được dẫn chứng tiêu biểu (một số bài thơ đã học trong chương trình 12) và phân tích một cách thuyết phục để làm sáng tỏ các khía cạnh của vấn đề nghị luận.*

2.4. Đánh giá, bình luận: (2.0 điểm)

- Câu nói của R.Tagore đã nêu chính xác đặc trưng nội dung của thơ là sự thổ lộ tình cảm mãnh liệt đã được ý thức, là những rung động rất sâu ở bên trong tâm hồn nhà thơ, là tác lòng, tư tưởng tình cảm mà thi sĩ kí thác, gửi gắm. Đó không phải là sự bộc lộ tình cảm một cách bản năng, trực tiếp mà là tình cảm nảy sinh từ những tiếp xúc với cuộc sống, là tình cảm được ý thức, được lắng lọc qua những xúc cảm thẩm mỹ, gắn liền với sự tự ý thức của nhà thơ về mình và cuộc đời.

- Thơ là kết quả của sự thăng hoa cảm xúc, là sự kết tinh vốn văn hoá, thể hiện cái nhìn về cuộc đời và biểu hiện những trạng thái xúc cảm của nhà thơ.

- Tình cảm trong thơ phải là tình cảm lớn, cao đẹp, cao thượng, mang tư tưởng sâu sắc, thấm nhuần chất nhân văn, mang giá trị Chân- Thiện- Mĩ... thì thơ mới có sức vang động trong lòng người, tạo nên sức sống lâu bền.

- Ý kiến của Tagore mới chỉ nhấn mạnh đến đặc trưng nội dung của thơ là tình cảm đã được ý thức, mang đậm tính cá thể mà chưa đề cập đến đặc trưng hình thức của thơ. Thơ là tình đời, tình người ngân lên trong những âm vang ngôn ngữ, kết cấu, hình ảnh, giọng điệu, nhịp điệu... *Sự hoàn thiện từ bên trong* cần được biểu hiện bằng *sự hoàn thiện* của hình thức nghệ thuật để có thơ hay.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (10 – 12)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề.

Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- *Điểm Khá (7 – 9)*: Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, văn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5)*: Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 13
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm)

Hãy vươn tới bầu trời dù không thể hái được vì sao sáng nhất nhưng ít ra bạn cũng có thể đứng giữa muôn vàn tinh tú để thấp sáng ước mơ.

(Danh ngôn)

Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

Câu 2 (12 điểm)

Định nghĩa về thơ, nhà thơ vĩ đại nước Anh T. S. Eliot (Thomas Stearns Eliot) cho rằng: “*Thơ không phải là một vòng quay chậm rãi của cảm xúc mà là một lối thoát của cảm xúc, không phải là sự biểu hiện của tình cách, nhưng một lối thoát cho cá tính...*”.

(Định nghĩa về thơ của những cây bút thơ, Tri thức trẻ, 2013)

Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy chứng minh nó qua các tác phẩm thơ mà anh/chị biết.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 13

(Đáp án – Thang điểm gồm có 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

* Xác định đúng vấn đề nghị luận: **Ý nghĩa của thái độ sống chủ động, mạnh dạn vươn tới những tầm cao.**

2.1. Giải thích được nội dung của câu nói: (1.0 điểm)

- *Vươn tới bầu trời*: hướng tới một không gian cao rộng, bước ra một môi trường mới rộng lớn hơn → đặt mình vào môi trường có nhiều thử thách và cơ hội.

- *Vì sao sáng nhất*: kết quả tốt nhất, thành công rực rỡ nhất

- *Đứng giữa muôn vàn tinh tú*: được tiếp xúc, làm việc với những con người ưu tú, nổi bật, tiêu biểu...

⇒ Ý nghĩa câu danh ngôn: **Lời khuyên con người trong cuộc sống nên chủ động, mạnh dạn tìm đến với một môi trường mới, sân chơi mới, mở rộng tầm nhìn để có cơ hội cọ xát, tôi luyện, khẳng định bản thân, hiện thực hóa ước mơ của mình...**

2.2. Bàn luận về câu nói: (Học sinh có thể có những suy nghĩ và cách diễn đạt khác nhau, nhưng về cơ bản cần hướng đến những nội dung chủ yếu sau): (4.0 điểm)

a. Vì sao “*Hãy vươn tới bầu trời dù không thể hái được vì sao sáng nhất nhưng ít ra bạn cũng có thể đứng giữa muôn vàn tinh tú để thấp sáng ước mơ*”?

- Môi trường lớn sẽ có những cơ hội lớn để học hỏi, giao lưu, mở mang tri thức, tích lũy vốn sống, vốn hiểu biết, tiếp thu nhiều điều mới mẻ, tự bổ sung những khuyết thiếu của bản thân...

- Môi trường ấy cũng sẽ đưa đến nhiều thách thức, khó khăn khiến ta không đạt được kết quả tốt đẹp như mình mong muốn “*không hái được vì sao sáng nhất*”, thậm chí là thất bại. Nhưng điều đó cho chúng ta những bài học, những kinh nghiệm quý báu giúp ta giầy dạn, trưởng thành hơn.

- Và quan trọng: được ở giữa muôn vàn tinh tú bản thân có cơ hội để thể hiện mình, phát huy những sở trường, thế mạnh, tăng thêm sự tự tin. Được gặp gỡ, giao lưu với những người xuất sắc, giỏi giang là cơ

hội mở mang tầm nhìn, tạo dựng các mối quan hệ gắn kết. Đồng thời cũng là cơ hội nhìn lại mình, phải cố gắng nhiều hơn để tiếp tục nuôi dưỡng và thắp sáng ước mơ ...

b. Phê phán những người ngại thử thách, sợ thất bại, không dám bước ra khỏi “vùng an toàn”... (*Lấy dẫn chứng và phân tích dẫn chứng*).

2.3. Mở rộng: (1.0 điểm)

- Sự chủ động, mạnh dạn thực sự là cần thiết nhưng phải phù hợp hoàn cảnh, thời điểm, năng lực đối tượng...

- Câu danh ngôn tạo cảm hứng rất lớn, tiếp thêm động lực cho những người trẻ, đặc biệt là những thanh niên trong thời đại 4.0 hiện nay.

2.4. Bài học nhận thức và hành động: (2.0 điểm)

- Khẳng định ý nghĩa của câu danh ngôn.

- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, mở rộng giao lưu; không ngừng nuôi dưỡng khát vọng vươn lên, chiếm lĩnh những đỉnh cao tri thức...

- Sẵn sàng, tự tin đối mặt với những thử thách, khó khăn, thất bại.

- Chuẩn bị những hành trang cần thiết cho bản thân...

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (7 – 8)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- *Điểm Khá (5 – 6)*: Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- *Điểm Trung bình (4)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu – Kém (<4)*: Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

* Xác định vấn đề nghị luận: **Đặc trưng cơ bản của thơ: cảm xúc mãnh liệt và cá tính sáng tạo.**

2.1. Giải thích ý kiến: (2.0 điểm)

- *Vòng quay chậm rãi của cảm xúc*: biểu hiện cảm xúc một cách đều đều, mờ nhạt không có ấn tượng, không thăng hoa mãnh liệt.

- *Lối thoát của cảm xúc*: cảm xúc được cởi thoát, tuôn trào mãnh liệt, hướng tới sự tri âm, đồng điệu.

- *Tính cách*: là tổng hợp những đặc điểm tâm lí ổn định trong cách xử sự của con người.

- *Cá tính*: là nét riêng biệt, diện mạo riêng của một người, làm nên đặc trưng của người đó để phân biệt với cộng đồng. Trong nghệ thuật, cá tính được biểu hiện là phong cách nghệ thuật của người nghệ sĩ.

- *Lối thoát cho cá tính*: sự bộc lộ nét độc đáo, sáng tạo của nhà thơ (thông qua nội dung và hình thức của tác phẩm).

⇒ Ý cả câu: **Nhận định của Eliot đã khẳng định được những đặc trưng cơ bản của thơ là sự bộc lộ tình cảm, cảm xúc và khát khao mong muốn được giải bày, mong nhận được sự tri âm ở người đọc một cách sôi nổi, mãnh liệt. Đồng thời thơ ca là nơi người nghệ sĩ khẳng định cá tính qua sự độc đáo về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật.**

2.2. Bàn luận: (2.0 điểm)

a. Thơ không phải là một vòng quay chậm rãi của cảm xúc mà là một lối thoát của cảm xúc:

- Thơ là thể loại trữ tình, điểm xuất phát hay đích đến đều là tình cảm, cảm xúc. Thơ ca là nơi người nghệ sĩ bộc lộ thế giới tình cảm bên trong vốn vô cùng phức tạp, tinh vi, luôn biến đổi không ngừng; nơi nhà thơ thăng hoa cảm xúc, giải thoát những cảm xúc (vốn dồn nén, giấu kín...). Họ làm thơ như là để “gửi hương cho gió”, để tìm kiếm những tâm tình chia sẻ. Thơ là giải thoát cho tâm tình, điệu hồn đi tìm đồng điệu.

- Tình cảm, cảm xúc trong thơ không phải là thứ tình cảm bàng bạc, nhạt nhẽo, đơn điệu mà phải chân thành, phải được đẩy lên ở một “trạng thái cao trào, tràn đầy và mãnh liệt”. Tình cảm trong thơ nhất định phải đạt đến trạng thái đỉnh điểm của cảm xúc, trở thành cảm hứng hoặc thần hứng. Có như vậy, tiếng thơ ấy mới tìm được sự đồng điệu nơi độc giả.

b. Thơ không phải là sự biểu hiện của tính cách, nhưng là một lối thoát cho cá tính:

- Tính cách thể hiện bản chất xã hội của nhà thơ nhưng cá tính mới là dấu ấn riêng biệt để nhà thơ khẳng định cái “tôi” riêng của mình. Trong thơ ca việc khẳng định cái tôi, cái riêng ấy chính là cá tính sáng tạo, là “*cái không lặp lại của nghệ thuật*”.

- Xuất phát từ bản chất của nghệ thuật là sự sáng tạo. Sáng tạo phải thông qua sự độc đáo, mới lạ trong nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Đó có thể là đóng góp mới trong quan niệm, cảm xúc, cách nhìn... của nhà thơ; có thể là cách nói mới về những điều đã cũ, đã quen; cũng có thể là sự phá vỡ những khuôn mẫu, những hình thức có tính chất ổn định trước đó như hình ảnh, ngôn từ, giọng điệu...

- Hành động sáng tạo trong thơ ca là một sự giải tỏa những cảm xúc tràn đầy trong tâm hồn người làm thơ. Tuy nhiên, mọi “lối thoát” của cảm xúc hay cá tính trong thơ đều phải gắn với ý nghĩa phổ quát, động chạm tới cái chung trong tâm hồn con người, trở thành tiếng lòng của nhiều người...

* **Lưu ý**: Chấp nhận những cách lý giải khác, miễn là hợp lý, thuyết phục.

2.3. Phân tích, chứng minh: (6.0 điểm)

* Học sinh có thể chọn các tác phẩm thơ tùy ý nhưng phải nêu bật cái nét riêng sáng tạo của mỗi tác giả trong những dòng thơ. **Không chấp nhận** những bài làm phân tích chung chung, phân tích hết cả bài...

2.4. Mở rộng nâng cao: (2.0 điểm)

- Khẳng định ý kiến xác đáng, đúng đắn của Eliot về cảm xúc và cá tính sáng tạo trong thơ.

+ Ý nghĩa:

- Đối với nhà thơ: Cần sâu sắc, mãnh liệt, chân thành trong từng cảm xúc. Đồng thời phải luôn không ngừng sáng tạo để đem đến sự độc đáo, mới lạ cho tác phẩm.

- Người đọc trong quá trình tiếp nhận thơ cần nhận ra và trân trọng cái “văn chữ” của mỗi nhà thơ. Đọc không chỉ thấy được cái hay của câu chữ mà còn phải đồng điệu, tri âm ở tâm hồn.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (10 – 12)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- *Điểm Khá (7 – 9)*: Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, văn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5)*: Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 14
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm)

Macxim Gorki cho rằng: “Lao động là đôi cánh của ước mơ, là cội nguồn của những niềm vui và sáng tạo”.

Anh/Chị có suy nghĩ gì về câu nói trên? Hãy viết một bài văn để trình bày điều đó.

Câu 2 (12 điểm)

“Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy”. (T. Sêkhốp).

Bằng những kiến thức đã học và qua các tác phẩm anh/chị biết, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 14

(Đáp án – Thang điểm gồm có 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích được nội dung của câu nói: (1.0 điểm)

- *Lao động*: hoạt động khó nhọc một cách có ý thức của con người, nhằm tạo ra những sản phẩm phục vụ cho nhu cầu con người.

- *Ước mơ*: Điều tốt đẹp mà con người mong mỏi.

⇒ Ý nghĩa câu nói của Macxim Gorki: *Ca ngợi, khăng định lao động: chỉ có lao động mới giúp con người thực hiện ước mơ, đem lại niềm vui thúc đẩy sự sáng tạo. Câu nói trên còn động viên con người phấn đấu lao động để có được cuộc sống tốt đẹp, vui tươi và hạnh phúc.*

2.2. Bình luận: (5.0 điểm)

- Câu nói của Macxim Gorki hoàn toàn đúng.

a. Chỉ có lao động mới biến ước mơ thành hiện thực:

- Điều tốt đẹp trong cuộc sống không tự dung mà có, không ai đem cho mà bản thân con người ta phải tự làm ra, tự lao động để có được.

- Lao động là cơ sở đầu tiên để loài người tồn tại, phát triển, đo từ tiền bộ này đến tiền bộ khác. Lao động sáng tạo ra chính bản thân con người, lịch sử và xã hội loài người.

- Lao động làm nên mọi giá trị vật chất, tinh thần, là cơ sở đầu tiên, là điều kiện quyết định để thực hiện những ước mơ của con người.

b. Lao động đem lại mọi niềm vui, khơi dậy những sáng tạo, thúc đẩy cuộc sống, xã hội phát triển.

- Bằng lao động, con người thật sự sống tự do.

- Bằng lao động con người mới có thể làm chủ bản thân, thực hiện trách nhiệm, bổn phận với gia đình, người thân, đóng góp xây dựng cho xã hội.

- Lao động cũng là môi trường để con người rèn luyện nhân cách, rèn luyện những phẩm chất tốt đẹp của con người (cần cù, tiết kiệm, quý trọng lao động...). Lao động là thước đo của trí tuệ, tình cảm, lòng yêu nước, lòng yêu người...

- Lao động không ngừng tạo ra mọi của cải vật chất, không ngừng thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu, mơ ước của con người.

2.3. Mở rộng: (2.0 điểm)

- Cần xác định: Lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, là nguồn hạnh phúc của con người. Mỗi người cần không ngừng phấn đấu, rèn luyện để trở thành người lao động chân chính, có ích, thành người lao động giỏi trong tương lai.

- Cần có quan điểm lao động mới, có thái độ lao động tự giác, có kỉ luật và đạt năng suất cao.

- Cần chống lại thái độ lười biếng lao động, ỷ lại, không sáng tạo.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (7 – 8)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- *Điểm Khá (5 – 6)*: Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- *Điểm Trung bình (4)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu – Kém (<4)*: Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích ý kiến: (2.0 điểm)

- *Người nghệ sĩ chân chính*: là người ý thức được thiên chức của mình trong quá trình sáng tạo là “nâng đỡ cái phần tốt đẹp để trong đời có nhiều công bằng và yêu thương hơn”, tác phẩm của họ sinh ra là vì con người, hướng đến cuộc sống tốt đẹp của con người.

- Sê-khốp coi tinh thần nhân đạo là phẩm chất bắt buộc phải có trong mỗi người cầm bút, là tiêu chuẩn, điều kiện để đánh giá mức độ chân chính của nhà văn (chú ý cách diễn đạt: *một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy* – thể hiện rõ tính chất bắt buộc). Nói cách khác, nếu không có lòng nhân đạo thì không thể trở thành nhà văn chân chính.

- Hơn nữa, Sê-khốp còn đòi hỏi tình cảm nhân đạo ở người nghệ sĩ phải là thứ căn bản, có chiều sâu từ trong cốt tủy chứ không chỉ là tình cảm nông cạn, hời hợt, mơ hồ. Tình cảm nhân đạo trở thành phẩm chất không thể thiếu của người cầm bút. Đó chính là cái tâm của người nghệ sĩ.

2.2. Bình luận: (3.0 điểm)

* Ý kiến của T. Sêkhốp hoàn toàn đúng đắn vì:

- Tác phẩm văn học chân chính thể hiện cái tâm của người nghệ sĩ, phải hàm chứa tinh thần nhân văn sâu sắc, chứa đựng niềm vui, nỗi khổ đau của con người. Tác phẩm văn học chỉ có ý nghĩa khi mục đích sáng tác của nhà văn là nhằm phục vụ cuộc sống con người (“...*Văn chương sẽ không là gì cả nếu không vì cuộc đời mà có*”).

- Một trong những chức năng cơ bản của văn học là giáo dục, là cứu vớt con người. Trong thực tế, không gì có sức mạnh giáo dục con người bằng chính tình cảm của con người. Do vậy phải xuất phát từ tình cảm chân thực.

- Mỗi văn bản văn học bắt đầu bằng sự rung động cực điểm của tâm hồn người nghệ sĩ. Phải sẵn mang trong lòng mối thương cảm sâu sắc với cuộc đời, người nghệ sĩ mới có thể cầm bút và bắt đầu quá trình sáng tạo (“*Thơ phát khởi từ trong lòng người ta*” hay “*Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần*”). Nhà văn phải là người sống sâu sắc với cuộc đời, với nhiều số phận, cảnh ngộ, phải hòa với cuộc đời và viết văn vì cuộc đời, luôn giữ cho cái tâm trong sáng.

- Từ phía tâm lí tiếp nhận của độc giả: Độc giả luôn mong đợi những trang viết chứa đựng lòng yêu thương chân thành của nhà văn. Chỉ những trang viết như thế mới có sức sống lâu bền trong lòng độc giả. Tác phẩm của nhà văn sẽ làm cho tâm hồn người đọc thêm trong sáng, phong phú.

- Ý kiến của Sêkhốp không có nghĩa là phủ nhận những phẩm chất khác của người nghệ sĩ mà muốn nhấn mạnh và đề cao tình cảm nhân đạo như là yếu tố đầu tiên không thể thiếu của người nghệ sĩ (Chú ý cách nói **phải có** chứ không phải **chỉ có**).

2.3. Chứng minh: (6.0 điểm)

* Học sinh chọn một vài tác phẩm (ít nhất 2), phân tích làm nổi bật tinh thần nhân đạo sâu sắc của tác giả. Tập trung vào những biểu hiện cơ bản:

- Tố cáo tội ác của các thế lực chà đạp lên quyền sống của con người.

- Ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của con người.

- Thể hiện những ước mơ, khát khao hạnh phúc, khát vọng vươn lên của họ.

- Miêu tả, thể hiện những điều trên bằng một thái độ cảm thông, bằng tình cảm yêu thương, xót xa, bênh vực.

* **Lưu ý:** Không chấp nhận những bài làm phân tích chung chung, phân tích hết cả tác phẩm...

2.4. Đánh giá, mở rộng vấn đề: (1.5 điểm)

- T. Sêkhốp hoàn toàn có lí khi đề cao phẩm chất nhân đạo của nhà văn.

* Lí do:

- Tác phẩm văn học chân chính phải hàm chứa tinh thần nhân văn sâu sắc, chứa đựng niềm vui, nỗi khổ của con người.

- Một trong những chức năng quan trọng của văn học là giáo dục, là cứu vớt con người. Do đó, phải xuất phát từ tình cảm chân thực.

- Mỗi văn bản văn học bắt đầu bằng sự rung động cực điểm của tâm hồn người nghệ sĩ. Họ sẵn mang trong lòng mối thương cảm sâu sắc với cuộc đời, người nghệ sĩ mới có thể cầm bút và bắt đầu quá trình sáng tạo.

- Về phía người tiếp nhận: luôn mong đợi những trang viết chứa đựng lòng yêu thương chân thành.

2.5. Kết luận: (0.5 điểm)

Với những sáng tác trên và còn nhiều sáng tác nữa, người đọc có thể cảm nhận được tấm lòng yêu thương con người của các nhà văn. Điều đó đã góp phần khẳng định ý kiến của T. Sêkhốp hoàn toàn đúng đắn.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (10 – 12)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- *Điểm Khá (7 – 9)*: Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, văn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5)*: Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 15
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm) Đọc câu chuyện sau:

NHỮNG ĐIỀU VÔ GIÁ

Người mẹ đang bận rộn nấu bữa cơm tối dưới bếp, bất ngờ cậu con trai bé bỏng chạy ùa vào, và đưa cho mẹ một mẩu giấy nhỏ. Sau khi lau tay, người mẹ mở tờ giấy ra và đọc:

- Cắt cỏ trong vườn: 5 đô la.
- Dọn dẹp phòng của con: 1 đô la.
- Đi chợ cùng với mẹ: 50 xu.
- Trông em giúp mẹ: 25 xu.
- Đổ rác: 1 đô la.
- Kết quả học tập tốt: 5 đô la.
- Quét dọn sân: 2 đô la.
- Mẹ nợ con tổng cộng: 14,75 đô la.

Sau khi đọc xong, người mẹ nhìn con trai đang đứng chờ với vẻ mặt đầy hy vọng. Bà cầm bút lên, lật mặt sau của tờ giấy và viết:

- Chín tháng mười ngày con nằm trong bụng mẹ: Miễn phí.
- Những lúc mẹ bên cạnh chăm sóc, cầu nguyện mỗi khi con ốm đau: Miễn phí.
- Những giọt nước mắt con làm mẹ khóc trong những năm qua: Miễn phí.
- Tất cả những đồ chơi, thức ăn, quần áo mà mẹ đã nuôi con trong suốt mấy năm qua: Miễn phí.
- Và đắt hơn cả chính là tình yêu của mẹ dành cho con: Cũng miễn phí luôn con trai ạ.

Khi đọc những dòng chữ của mẹ, cậu bé vô cùng xúc động, nước mắt lưng tròng. Cậu nhìn mẹ và nói: “Con yêu mẹ nhiều lắm!”. Sau đó, cậu đặt bút viết thêm vào tờ giấy dòng chữ thật lớn: **“MẸ SẼ ĐƯỢC NHẬN LẠI TRỌN VẸN”**.

(Dẫn từ Báo Nông nghiệp Việt Nam)

Anh/Chị có suy nghĩ gì sau khi đọc xong câu chuyện trên?

Câu 2 (12 điểm)

Nhà văn là “người vẫn còn mang vết thương đã lại đi chữa vết thương cho người khác”

(Trích *Sói đá buồn tênh*, Nguyễn Ngọc Tư)

Bằng những kiến thức và qua một số tác phẩm văn học, anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 15

(Đáp án – Thang điểm gồm có 03 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích được nội dung của câu nói: (2.0 điểm)

- Tình cảm mẹ con là tình cảm thiêng liêng, cao quý. Biết đón nhận tình thương, sự quan tâm của mẹ thì phải biết ơn và cũng biết mang đến cho mẹ niềm vui, niềm hạnh phúc.

- Câu chuyện mang đến một bài học về “cho” và “nhận” trong cuộc sống.

2.2. Suy nghĩ về vấn đề mà câu chuyện đặt ra: (5.0 điểm)

- Phải biết “cho” mọi người những điều tốt đẹp thì sẽ nhận được những điều tốt đẹp (dẫn chứng chứng minh).

- “Cho – nhận” sự quan tâm, lo lắng, tình cảm bao dung, nhân ái. Đó là hành động “cho – nhận” đáng ca ngợi, cần được nhân lên (dẫn chứng chứng minh).

2.3. Phê phán, mở rộng: (1.0 điểm)

Nhưng có những “cho – nhận” đáng ca ngợi, lại có những “cho – nhận” đáng lên án: Kẻ “nhận” mà không “cho” là kẻ ích kỉ...

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (7 – 8):* Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- *Điểm Khá (5 – 6):* Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- *Điểm Trung bình (4):* Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu – Kém (<4):** Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích ý kiến: (2.0 điểm)

- Nhà văn là “*người vẫn còn mang vết thương*”: nhà văn là người mang những nỗi đau, bất hạnh, bi kịch của chính mình. Vốn là những người có tâm hồn nhạy cảm, nhà văn dễ tổn thương trước những giông bão của cuộc đời. Nếu sống trong thời đại nhiều bất công, ngang trái, họ cũng là những người mang nỗi đau lớn của con người thời đại mình (những bi phần, đắng cay, chua chát).

- Nhà văn là người “*đã lại đi chữa vết thương cho người khác*”: chưa kịp chữa lành vết thương cho mình, nhà văn bằng sáng tác, chia sẻ, đồng cảm với những nỗi đau của con người, giúp họ vượt lên những nỗi đau ấy. Từ trải nghiệm nỗi đau, sự bất hạnh của mình, nhà văn dễ thấu hiểu nỗi đau, sự bất hạnh của con người. Trái tim nhân ái và tâm hồn rộng mở khiến họ chưa kịp chữa lành vết thương cho mình, đã lại mong muốn chữa lành cho người khác.

⇒ **Câu nói khẳng định “sứ mệnh” đặc biệt của mỗi nhà văn: luôn thấu hiểu và “chữa lành vết thương” cho người khác từ nỗi đau của chính mình.**

2.2. Bàn luận, chứng minh và mở rộng: (10.0 điểm)

* Học sinh chứng minh qua một vài tác phẩm, chú ý đảm bảo nêu được những ý cơ bản như tác giả đã phải trải qua nỗi đau thời đại, nỗi đau về con người như thế nào để từ đó bộc lộ niềm cảm thương đối với số phận của nhân vật chịu bất hạnh trong tác phẩm.

* **Lưu ý:** Không chấp nhận bài làm phân tích chung chung, phân tích cả tác phẩm...

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (10 – 12):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- **Điểm Khá (7 – 9):** Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, văn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- **Điểm Trung bình (6):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu (4 – 5):** Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 16
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm)

“Ước mong mà không kèm theo hành động thì dù hy vọng có cánh cũng không bao giờ bay tới mục đích”. (William Shakespeare)

Anh/Chị có suy nghĩ gì về quan niệm trên? Hãy viết một bài văn để thể hiện những quan điểm của anh/chị.

Câu 2 (12 điểm)

“Chắt trong vị ngọt mùi hương
Lặng thầm thay những con đường ong bay
Trải qua mưa nắng vui đầy
Men trời đất đủ làm say đất trời
Bầy ong giữ hộ con người
Những mùa hoa đã tàn phai tháng ngày”.

(Hành trình của bầy ong, Nguyễn Đức Mậu)

Hành trình của bầy ong trong đoạn thơ trên gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về hành trình sáng tạo của người nghệ sĩ? Hãy làm sáng tỏ chúng qua những tác phẩm mà anh/chị biết.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022**

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 16

(Đáp án – Thang điểm gồm có 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích được nội dung của câu nói: (2.0 điểm)

- Ước mong là những mong muốn, ước mơ về những điều tốt đẹp trong tương lai. Người ta sống ai cũng mong muốn về những điều tốt đẹp cho mình (trong thực tế vẫn có những ước mong không chính đáng, ta quan niệm rằng đó chỉ là những dục vọng thấp hèn). Nhưng từ hiện thực của đời sống đến hiện thực cần vươn tới để đạt được trong tương lai là một khoảng cách. Nó là cả một đường bay dài – hiểu theo cách nói Shakespeare.

- Ước mong phải đi đôi với hành động, Nếu ước mong mà không thực hiện bằng những việc làm cụ thể thì cuối cùng ước mong đó cũng chỉ là mong ước. Shakespeare rất có ý thức nhấn mạnh vai trò của hành động trong việc hiện thực hóa ước mơ của con người. Chỉ bằng hành động ta mới đạt được những gì mình cần đạt tới.

2.2. Suy nghĩ về quan niệm: (5.0 điểm)

- Quan niệm trên là một quan niệm đúng đắn. Thực tế cho thấy chẳng mấy ai hoàn thành sở nguyện của mình khi cứ ngồi mong ước suông. Những người thành đạt trong đời luôn làm việc, luôn hành động (*dẫn chứng minh họa*).

- Hành động luôn cần thiết đối với tất cả mọi người – nhất là những hành động mang tính định hướng. Không phải có hành động là sẽ có thành công nhưng muốn thành công thì phải hành động. Hành động hợp lý sẽ rút ngắn con đường đến đích. Nếu ngược lại, con đường ấy sẽ kéo dài thêm ra (*dẫn chứng minh họa*).

- Hành động có thể dẫn đến thành công hay thất bại song điều quan trọng là phải biết rút ra những bài học kinh nghiệm từ những thành công hay thất bại đó (*dẫn chứng minh họa*).

- Ước mong phải phù hợp với khả năng và hoàn cảnh của mỗi người. Ước mong xa vời, thiếu thực tế thì dù có cố gắng đến mấy cũng khó mà đạt được (*dẫn chứng minh họa*).

- Nếu ai đó trong đời thường bất chấp tất cả nhằm thỏa mãn ước mong của mình thì đó là một sai lầm lớn (*dẫn chứng minh họa*).

3. Bài học nhận thức và hành động: (1.0 điểm)

- Quan niệm của Shakespeare góp phần nhắc nhở những ai chỉ biết ước mong mà không chịu hành động.

- Ở một góc độ khác, có thể xem quan niệm trên là lời tán thành, biểu dương những con người luôn làm việc không ngừng để đạt được ước mong của mình.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (7 – 8)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- *Điểm Khá (5 – 6)*: Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- *Điểm Trung bình (4)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu – Kém (<4)*: Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích ý thơ: (2.0 điểm)

Từ hành trình của bầy ong đi làm mật, đoạn thơ khơi gợi hành trình sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ: từ tiếp nhận và phản ánh hiện thực một cách cần mẫn, say mê (“*Chất trong vị ngọt mùi hương/ Lặng thầm thay những con đường ong bay*”) cho đến những trải nghiệm, sáng tạo miệt mài của người nghệ sĩ để tạo nên những tác phẩm có giá trị, lưu giữ vẻ đẹp cho cuộc đời (“*Trái qua mưa nắng vui đầy/ Men trời đất đủ làm say đất trời/ Bầy ong giữ hộ con người/ Những mùa hoa đã tàn phai tháng ngày*”).

2.2. Bàn luận: (3.0 điểm)

- Sáng tác nghệ thuật nói chung, văn học nói riêng là một quá trình sáng tạo đặc biệt, đòi hỏi công phu và sáng tạo của người nghệ sĩ trong phản ánh hiện thực. Tựa như cánh ong đi tìm mật, người nghệ sĩ không ngừng tìm cho mình nguồn đề tài, cảm hứng, tích lũy vốn sống... và chắt lọc hiện thực.

- Những trải nghiệm trong cuộc đời cùng tâm hồn, tài năng và lao động nghệ thuật miệt mài đã giúp các tác giả tạo nên những tác phẩm chân chính. Đây chính là kết quả cuối cùng, là thứ “*mật*” ngọt ngào – sự kết tinh giá trị trong hành trình sáng tạo nghệ thuật của nhà văn. Với những giọt “*mật*” ngọt ngào ấy, các nhà văn đã “*giữ hộ*” cho muôn người, muôn đời “*những mùa hoa*” và hơn thế nữa, thể hiện dấu ấn sáng tạo của mình (ở cả hai phương diện nội dung và hình thức biểu đạt).

2.3. Phân tích, chứng minh (sau đây là một vài ví dụ): (6.0 điểm)

a. Tác phẩm “Vội vàng” của nhà thơ Xuân Diệu:

- Với *Vội vàng*, Xuân Diệu đại diện cho thế hệ mình đã cất lên tiếng nói mãnh liệt nhất của “*cái Tôi*” thơ mới, thể hiện một cách ấn tượng nhất những cách tân nghệ thuật. Bài thơ chính là kết quả của hành trình trần trụi, suy tư và bút phá về lẽ sống, về nghệ thuật.

+ Nhìn cuộc đời bằng cặp mắt “*xanh non*”, “*biếc rờn*” cảm xúc, Xuân Diệu cho người đọc chiêm ngưỡng một bức tranh cuộc sống thắm đẫm hương vị tình yêu; *Vội vàng* chính là tuyên ngôn mãnh liệt về triết lí sống vội vàng, hối hả tận hưởng tuổi trẻ và hạnh phúc của một con người không chấp nhận quẩn quanh, tù túng trong “*ao đời bằng phẳng*”; không chỉ quan niệm thời gian tuyến tính như các nhà thơ mới, Xuân Diệu còn đẩy thời gian lên như một nỗi ám ảnh khổng lồ, để luôn luôn nhận thấy cái chung cuộc trong vạn vật, để tự giục giã mình “*Mau với chứ, vội vàng lên với chứ*”...

+ Thể thơ tự do cùng hình ảnh thơ và cách biểu đạt mới mẻ, độc đáo cho người đọc ấn tượng thật rõ nét về một nhà thơ “*mới nhất trong các nhà thơ mới*”.

b. Tác phẩm “Chữ người tử tù” của nhà văn Nguyễn Tuân:

- Với *Chữ người tử tù*, Nguyễn Tuân đã nói tiếng nói của một lớp nhà văn bất bình sâu sắc với thực tại xã hội. Không như các nhà văn hiện thực phê phán dùng hiện thực để tố cáo hiện thực, Nguyễn Tuân hướng cái nhìn của mình về quá khứ, trân trọng và ngợi ca những gì “*vang bóng*” để thể hiện thái độ bất bình của mình. Hình tượng Huấn Cao, trong cái nhìn rất riêng ấy của Nguyễn Tuân, không chỉ có sự thống nhất cao độ giữa cái tâm, cái tài và khí phách anh hùng mà còn là nơi nhà văn gửi gắm lí tưởng thẩm mỹ của mình; *cảnh cho chữ* “*xưa nay chưa từng có*” là nguyên cớ để nhà văn thể hiện quan niệm của mình về sự chiến thắng của thiện lương, của cái đẹp...

+ Bút pháp lãng mạn được phát huy cao độ với nghệ thuật tương phản, hệ thống ngôn từ độc đáo, gợi không khí cổ xưa... là dấu ấn sáng tạo về phương diện nghệ thuật của Nguyễn Tuân thể hiện trong tác phẩm này.

* **Lưu ý:** Đối với mỗi luận điểm, thí sinh cần lấy được các dẫn chứng tiêu biểu, có sức thuyết phục để chứng minh, **không chấp nhận** bài làm phân tích chung chung, phân tích cả tác phẩm...

2.4. Đánh giá chung, mở rộng vấn đề: (2.0 điểm)

- Đoạn thơ khơi gợi, đề cao vai trò quan trọng mang tính quyết định, những phẩm chất cao quý của người nghệ sĩ trong quá trình sáng tạo nghệ thuật; *Vội vàng* của Xuân Diệu, *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân là minh chứng cho những kết tinh trong hành trình sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, góp phần làm cho hương vị ngọt ngào của *những mùa hoa* bắt từ trước thời gian.

- Hành trình mang tính đặc thù của sáng tạo văn chương không chỉ đặt ra vấn đề về phẩm chất, tài năng của nhà văn chân chính mà còn đặt ra yêu cầu đối với người tiếp nhận (người đọc): hiểu, trân trọng những giá trị tinh thần cao quý của người sáng tác.

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (10 – 12):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- **Điểm Khá (7 – 9):** Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, vẫn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- **Điểm Trung bình (6):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5)*: Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022**

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 17
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm) Đọc câu chuyện sau:

BÓNG NẮNG, BÓNG RÂM

Con đê dài hun hút như cuộc đời. Ngày về thăm ngoại, trời chợt nắng, chợt râm. Mẹ bảo:

- Nhà ngoại ở cuối con đê.

Trên đê chỉ có mẹ, có con.

Lúc nắng, mẹ kéo tay con:

- Đi nhanh lên, kéo nắng vỡ đầu ra.

Con cố.

Lúc râm, con đi chậm, mẹ mắng:

- Đang lúc mát trời, đi nhanh lên, kéo nắng đến bây giờ.

Con ngỡ ngàng: sao nắng, râm đều phải vội?

Trời vẫn nắng, vẫn râm ...

... Một mẹ cỏ xanh, con mới hiểu: đời, lúc nào cũng phải nhanh lên!

Câu chuyện nhỏ trên gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về những bài học trong cuộc sống?

Câu 2 (12 điểm)

Trong bài *Ngoại cảnh trong văn chương*, in trên báo *Tràng An*, số 82, ngày 10/12/1935, Hoài Thanh viết: “Nhà văn không có phép thần thông để vượt ra ngoài thế giới này, nhưng thế giới này trong con mắt nhà văn phải có một hình sắc riêng”.

(Trích *Bình luận văn chương*, Hoài Thanh, NXB Giáo dục, 1998, tr. 54)

Bằng cảm nhận về một số tác phẩm anh/chị biết, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ĐỀ THI THAM KHẢO

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022**

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 17

(Đáp án – Thang điểm gồm có 03 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích được nội dung của câu chuyện: (2.0 điểm)

- Cuộc đời như một con đê dài hun hút và mỗi người đều phải đi trên con đê của riêng mình. Con đê đó có khi nắng, khi râm, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Nhiệm vụ của chúng ta là phải đi qua những “bóng nắng, bóng râm” đó để đi trọn con đường của mình.

- *Bóng nắng*: Tượng trưng cho những trở ngại, khó khăn, những thách thức và cả những thất bại mà con người có thể gặp phải trong cuộc sống.

- *Bóng râm*: Tượng trưng cho những điều thuận lợi, những cơ hội, những thành công, những bằng phẳng trong cuộc đời.

- Cả hai điều này đến đan xen và tất cả chúng ta đều phải đón nhận nó.

- *Một mẹ cỏ xanh*: Hãy biết yêu thương, trân trọng những người xung quanh chúng ta, đặc biệt là những người thân yêu, ruột thịt khi họ hãy còn hiện hữu.

⇒ *Câu chuyện khuyên con người trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải nỗ lực hết mình. Khi thất bại, không cúi đầu mà phải biết nỗ lực phấn đấu vươn lên. Còn khi thành công, chúng ta không được chủ quan, tự mãn mà phải nắm bắt cơ hội để thành công hơn nữa. Và trong cõi đời này, hãy biết trân trọng, yêu quý những người xung quanh khi họ hãy còn hiện hữu.*

2.2. Bài học về tư tưởng lối sống rút ra: (5.0 điểm)

a. Có cái nhìn biện chứng về cuộc đời:

- Cuộc đời là một hành trình dài đang hướng tới một bến đời bình an với những cơ hội, những thách thức liên tiếp nhau.

- Trong cuộc sống, phải nhận thức được đâu là những khó khăn thử thách và những thuận lợi đối với mình. Đó là cách nhìn nhận biện chứng về cuộc đời để có quan niệm và cách sống phù hợp.

b. Có thái độ sống đúng đắn:

- Không nên thụ động trước những biến cố xảy ra trong cuộc sống.
- Luôn sống hết mình. Xem như việc được sinh ra ở đời này là một niềm hạnh phúc (“*Cảm ơn đời mỗi sáng mai thức dậy/ Ta có thêm ngày nữa để yêu thương*”).

- **Vì sao phải sống nhanh?:** Cuộc đời ngoài kia trôi đi hối hả, không chờ đợi ai. Nhất là trong cuộc sống hiện đại, công nghệ số hiện nay, nếu không biết tận dụng nó, ta sẽ là kẻ trắng tay, chí ít cũng để dở dang nhiều dự tính. Bởi thế, mỗi chúng ta cũng phải sống sao cho trọn vẹn sự có mặt của chúng ta trên cõi đời này.

- **Thế nào là sống nhanh lên?:** Nghĩa là trân trọng từng, giây phút của cuộc đời, tăng cường độ sống cho một khoảng thời gian ngắn nhất. Sống khẩn trương, làm việc một cách có ích, không nên sống hoài, sống uổng cho những mục đích, những dự định vô bổ. Sống có ý nghĩa đối với mình và những người xung quanh, chứ không phải sống nhanh là sự sống vội, sống thử như một bộ phận thanh niên hiện nay đang chạy theo.

- **Sống nhanh để làm gì?:** Sống nhanh để được nhận yêu thương và trao yêu thương; sống nhanh để tận hưởng thiên đường ngay trên mặt đất; sống nhanh để làm người công dân tốt, để cống hiến nhiều hơn cho nhân loại này.

- Biết sống yêu thương và chia sẻ với những con người xung quanh.

* **Lưu ý:** Đối với mỗi luận điểm, thí sinh cần lấy được các dẫn chứng tiêu biểu, có sức thuyết phục để chứng minh.

2.3 Bình luận mở rộng: (1.0 điểm)

- Cơ hội và thách thức, hạnh phúc và khổ đau, thuận lợi và khó khăn... chia đều cho mỗi người. Hãy coi mỗi thuận lợi và khó khăn đó là một phần của cuộc sống, là một chặng đường ta đi qua. Bình tâm đón nhận nó và sống thật có ích, sống hết mình, bởi cuộc sống không chờ đợi, cũng bởi hạnh phúc có thể nằm ngay trong khổ đau. Và hạnh phúc hay khổ đau phụ thuộc vào cách nhìn, vào thái độ sống của chúng ta.

- Hình thành kĩ năng sống: Sống có ích, tận hiến, tận hưởng từng phút giây, biết yêu thương những người xung quanh, không sống lãng phí thời gian hay sống một cách hời hợt, vô bổ.

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (7 – 8):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- **Điểm Khá (5 – 6):** Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- **Điểm Trung bình (4):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu – Kém (<4):** Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích ý kiến: (2.0 điểm)

- Đối với nhà văn: khi sáng tác không thể lặp lại mình, càng không được lặp lại người; phải có cách nhìn, cách miêu tả, cách cảm nhận và thể hiện của riêng mình. Tức là nhà văn phải có phong cách.

- Đối với người đọc: để thẩm định, đánh giá một tác phẩm không chỉ chú ý xem tác giả ấy viết cái gì; mà quan trọng hơn nhà văn đó viết như thế nào.

- Đối với lịch sử văn học: đóng góp của một nhà văn thực chất là đóng góp một cách nhìn, cách viết, cách cảm nhận và cách thể hiện mới mẻ.

2.2. Thí sinh hiểu đúng bản chất câu nói của Hoài Thanh: khẳng định cá tính sáng tạo của nhà văn, khẳng định cái nhìn riêng, sự thể hiện độc đáo của mỗi tác giả đối với cuộc sống bằng tác phẩm văn học: (10.0 điểm)

- Nhà văn không phải là thánh thần, họ cũng sống giữa đời thường như mọi người, nên họ không thể không bám sát hiện thực để mô tả và phản ánh.

- Tuy cùng mô tả, phản ánh hiện thực, nhưng hiện thực khi qua con mắt của nhà văn phải “*có một hình sắc riêng*”. Tức là mỗi tác phẩm văn học phải in đậm dấu ấn chủ quan của người nghệ sĩ.

* Phân tích một số tác phẩm để làm sáng tỏ vấn đề: phân tích và **chỉ ra sự độc đáo, mang dấu ấn chủ quan, thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận cuộc sống riêng biệt của mỗi nhà văn qua một số tác phẩm văn học.**

* Thí sinh có thể so sánh một số tác phẩm viết về cùng một đề tài, cùng một chủ đề của các tác giả khác nhau để từ đó chỉ ra “*hình sắc riêng*” của mỗi tác phẩm, tác giả.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (10 – 12)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- *Điểm Khá (7 – 9)*: Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, văn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5)*: Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

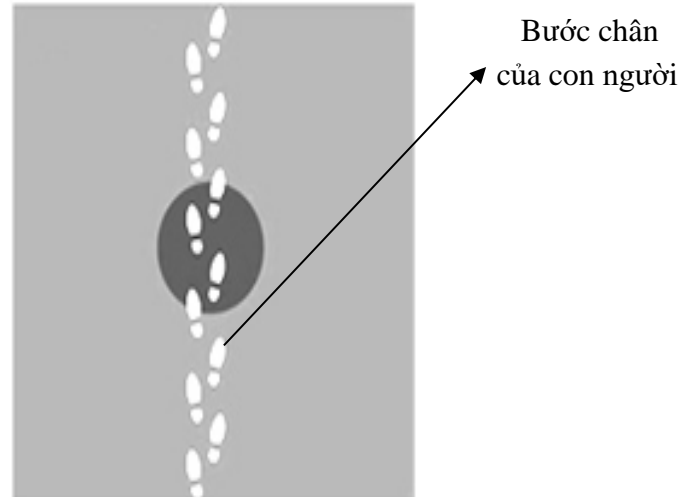
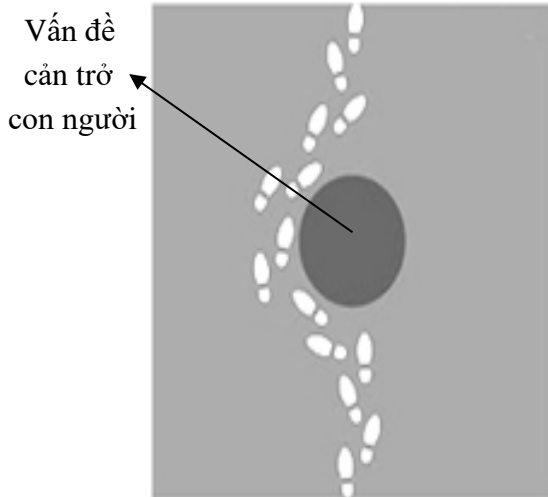
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 18
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm) Nhìn hai bức hình sau:



Anh/Chị có suy nghĩ gì về hai bức hình trên?

Câu 2 (12 điểm)

Bàn về lao động nghệ thuật của nhà văn, Mác-Xen Pruxx cho rằng: “*Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới*”.

Bằng những kiến thức mà anh/chị đã học và qua một số tác phẩm văn chương vào thời kì trước Cách mạng tháng Tám 1945, hãy làm sáng tỏ vấn đề trên?

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 18

(Đáp án – Thang điểm gồm có 04 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

* Câu nói đại diện cho hai bức hình: *Con đường gàn nhất để đi khỏi gian nan là đi xuyên qua nó.* Có ý kiến khác: *Hãy học cách ứng xử của dòng sông: gặp trở ngại, nó vòng đường khác.* (Amonimus).

2.1. Giải thích ý nghĩa: (2.0 điểm)

- Ý kiến (Bức hình) thứ nhất: Dùng biểu tượng con đường, cách tốt nhất vượt qua gian nan là con đường chấp nhận, chủ động đối mặt vượt lên và chiến thắng.

- Ý kiến (Bức hình) thứ hai: Mượn hình ảnh dòng sông luôn chảy vòng khi gặp núi đồi, cách ứng xử trước khó khăn trong cuộc sống: không bỏ cuộc cũng không trực tiếp đối mặt mà tìm con đường khác, tiếp tục hành trình đạt mục đích cuối cùng. Ứng xử linh hoạt uyển chuyển, thay đổi phù hợp cuộc sống.

⇒ Hai ý kiến nêu lên *cách ứng xử trước gian nan thử thách trong cuộc sống.*

2.2. Phân tích, chứng minh: (5.0 điểm)

* Hai ý kiến tưởng chừng đối lập nhưng đều đúng.

- Ý kiến thứ nhất đề cao lòng dũng cảm (*dẫn chứng minh họa*).

- Ý kiến thứ hai đề cao sự mềm dẻo, linh hoạt (*dẫn chứng minh họa*).

- Hai ý kiến bổ sung hoàn thiện cách ứng xử của con người trước khó khăn (*dẫn chứng minh họa*).

- Cần có cách ứng xử khéo léo phù hợp hoàn cảnh (*dẫn chứng minh họa*).

2.3. Bình luận: (0.5 điểm)

- Phê phán những con người đầu hàng trước khó khăn thử thách.

- Phê phán những người đi vòng đi tắt bắt chấp Pháp luật để đạt mục đích.

2.4. Kết luận: (0.5 điểm)

- Cần bình tĩnh tự tin ứng xử linh hoạt trước khó khăn.

- nỗ lực vượt khó khăn để thành công.

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (7 – 8):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- **Điểm Khá (5 – 6):** Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- **Điểm Trung bình (4):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu – Kém (<4):** Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.
- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích ý kiến: (2.0 điểm)

* Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: **Trong quá trình sáng tạo nhà văn phải có cách 1 nhìn và cách cảm thụ độc đáo, giàu tính phát hiện về con người và đời sống.**

- **Cuộc thám hiểm thực sự:** Quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ và bản lĩnh của nhà văn để sáng tạo tác phẩm đích thực.

- **Vùng đất mới:** Hiện thực đời sống chưa được khám phá (đề tài mới).

- **Đôi mắt mới:** Cách nhìn, cách cảm thụ con người và đời sống mới, không lặp lại.

⇒ Ý kiến khẳng định: **Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, điều cốt yếu là nhà văn phải có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo, giàu tính phát hiện về con người và đời sống.**

2.2. Bình luận vấn đề: (2.0 điểm)

* Khẳng định ý kiến nêu ra là đúng.

- Đề tạo ra tác phẩm nghệ thuật đích thực, nhà văn phải có tài năng, tâm huyết, bản lĩnh và lao động nghệ thuật nghiêm túc.

- Dù viết về đề tài cũ nhưng bằng những khám phá, những phát hiện mới mẻ, độc đáo về đời sống, con người nhà văn vẫn cho ra đời những tác phẩm thực sự giá trị về nội dung và nghệ thuật. Tuy nhiên cũng không phủ nhận ý nghĩa của “vùng đất mới” trong thực tiễn sáng tác.

2.3. Phân tích tác phẩm của Nam Cao để làm rõ ý kiến: (6.0 điểm)

a. Trong sáng tác văn học, đề tài mới chưa phải là cái quyết định giá trị tác phẩm:

- Đề tài chính là phạm vi hiện thực đời sống được phản ánh trong tác phẩm. Với một đề tài mới nhưng nhà văn chỉ sao chép nguyên xi theo lối ảnh chụp, copy lại thì không mang lại giá trị nhận thức đích thực cho tác phẩm.

- Người đọc đến với tác phẩm luôn có nhu cầu tìm hiểu, khám phá những điều mới mẻ về cuộc sống và con người được phản ánh trong tác phẩm.

- *Dẫn chứng*: Phong trào Thơ mới đã hướng đến đề tài mới là thế giới của cái “tôi” cá nhân cá thể song không phải những tác phẩm nào cũng có giá trị. Có tác phẩm “ru ngủ” người đọc vào một thế giới không như thực tại đời sống lúc đó...

b. Giá trị tác phẩm và phong cách nghệ thuật của nhà văn được quyết định bởi cách nhìn và cách cảm thụ đời sống của người cầm bút:

- Để có một tác phẩm nghệ thuật đích thực, nhà văn phải dùng tài năng, tâm huyết, bản lĩnh và quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ, giống như “*một cuộc thám hiểm thật sự*”. Nếu dấn thân vào “*vùng đất mới*” mà nhà văn không có cách nhìn, cách cảm thụ đời sống mới mẻ thì cũng không tạo nên một tác phẩm nghệ thuật có giá trị đích thực. Vì vậy, dù đề tài cũ nhưng bằng cái nhìn độc đáo, giàu tính phát hiện và khám phá, nhà văn có thể thấu suốt bản chất đời sống, mang lại cho tác phẩm giá trị nhận thức, giá trị tư tưởng sâu sắc.

- Cái nhìn độc đáo, giàu tính phát hiện cũng khẳng định dấu ấn riêng của nhà văn trong sáng tác, khẳng định sự tồn tại của nhà văn.

*** Dẫn chứng để chứng minh:**

- Tác phẩm “*Chí Phèo*” viết về đề tài quen thuộc: cuộc sống của người nông dân nghèo Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. Đây là đề tài quen thuộc đã được nhiều nhà văn khai thác và xây dựng nên những hình tượng điển hình như trong “*Tắt đèn*” (Ngô Tất Tố), “*Bước đường cùng*” (Nguyễn Công Hoan)... Cũng viết về đề tài cuộc sống của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám, Nam Cao không đề cập đến nỗi đau khổ vật chất mà đau đớn hơn là bi kịch tinh thần, nỗi đau bị cướp đi cả nhân hình lẫn nhân tính, bị cự tuyệt quyền làm người. Nhà văn còn phát hiện được vẻ đẹp nhân tính ẩn chứa bên trong cái lột quỷ dữ của Chí Phèo...

- Tác phẩm “*Vội vàng*” (Xuân Diệu) là kết quả của cái nhìn tươi mới, của cặp mắt “*xanh non*”, “*biếc rờn*” trước một vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên, của cuộc đời, đã bày ra trước mắt người đọc một thiên đường trên mặt đất, một bữa tiệc trần gian. Hơn nữa, với nhận thức mới mẻ về thời gian tuyến tính, nhà thơ đã đề xuất một quan niệm sống tích cực...

- Bài thơ “*Tây Tiến*” của Quang Dũng cũng viết về đề tài người lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp nhưng Quang Dũng đã thể hiện một cách nhìn mới, một “*đôi mắt mới*”. Nhà thơ đã nhìn thẳng vào hiện thực cuộc chiến để làm nổi bật những hi sinh, mất mát của người lính. Bức tượng đài người lính Tây Tiến (vốn xuất thân từ tầng lớp trí thức Hà Nội) được xây dựng với những nét hào hoa, lãng mạn, đậm tinh thần bi tráng.

2.4. Đánh giá, mở rộng vấn đề: (2.0 điểm)

- Khẳng định vai trò quan trọng của “*đôi mắt mới*” trong cách cảm thụ đời sống của nhà văn.

- Nếu có cái nhìn giàu tính khám phá, phát hiện lại, tiếp cận với một đề tài mới thì sức sáng tạo của nhà văn và giá trị độc đáo của tác phẩm càng cao. Vì vậy, coi trọng vai trò quyết định của “*đôi mắt mới*” nhưng cũng không nên phủ nhận ý nghĩa của “*vùng đất mới*” trong thực tiễn sáng tác.

- Để có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo, nhà văn cần trau dồi tài năng (sự tinh tế, sắc sảo...), bồi dưỡng tâm hồn (tám lòng, tình cảm đẹp với con người và cuộc đời) và xác lập một tư tưởng, quan điểm đúng đắn, tiến bộ.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (10 – 12)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- *Điểm Khá (7 – 9)*: Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, vẫn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5)*: Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 19
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm)

Bản về giá trị của sự trải nghiệm, Mark Twain từng nói: “*Đi khám phá là giết chết thành kiến, sự cố chấp và những đầu óc hạn hẹp*”.

(Theo *John đi tìm Hùng*, NXB Kim Đồng, 2013, tr. 266)

Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

Câu 2 (12 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “*Cái đẹp trong nghệ thuật bắt nguồn từ đời sống nhưng quan trọng và trực tiếp hơn cả là cái đẹp trong chính người nghệ sĩ*”.

Anh/Chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên bằng các tác phẩm văn học.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 19

(Đáp án – Thang điểm gồm có 03 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích được nội dung của câu nói: (1.0 điểm)

- *Đi khám phá*: là một hoạt động trải nghiệm, trong đó con người đi đến những không gian mới, trải nghiệm cuộc sống ở đó để phát hiện ra những cái ẩn giấu, bí mật đầy mới mẻ của cuộc sống. Đi khám phá hoàn toàn khác với hoạt động du lịch thông thường.

- *Thành kiến, sự cố chấp*: là những ý nghĩ, tư tưởng tiêu cực, cứng nhắc đã thành cô định, khó thay đổi.

- *Đầu óc hạn hẹp*: nhận thức và suy nghĩ nông cạn, lạc hậu.

⇒ Nội dung câu nói: ***Đi khám phá sẽ giúp con người thay đổi nhận thức và tư tưởng, hiểu biết sâu sắc hơn về con người và xã hội, mở rộng tầm nhìn và tri thức của mình.***

2. ***Bàn luận về câu nói: (Học sinh có thể có những suy nghĩ và cách diễn đạt khác nhau, nhưng về cơ bản cần hướng đến những nội dung chủ yếu sau): (5.0 điểm)***

- Nhận thức, tư tưởng của con người được hình thành chủ yếu từ trong thực tiễn đời sống. Nếu con người chỉ quanh quẩn trong những không gian chật hẹp, quen thuộc, nhận thức con người sẽ trở nên hạn hẹp, lạc hậu, dễ hình thành nên những thành kiến, những suy nghĩ cố chấp (*dẫn chứng minh họa*).

- Những vùng đất mới và cuộc sống mới bao giờ cũng chứa đựng những bí mật sâu xa của đời sống. Khám phá nó sẽ đem đến cho con người những hiểu biết và nhận thức mới mẻ (*dẫn chứng minh họa*).

- Sự trải nghiệm đòi hỏi con người phải thâm nhập cuộc sống, sống thực sự với không gian đó, với cuộc đời đó, trải qua những cảm xúc thực sự với nó, từ đó con người mới có khả năng thay đổi nhận thức, xóa bỏ những thành kiến, những suy nghĩ cố chấp (*dẫn chứng minh họa*).

- Cuộc sống bên ngoài có khi khác xa với những lí thuyết trong sách vở, vì vậy sự trải nghiệm là cần thiết để con người hiểu đúng về bản chất đời sống (*dẫn chứng minh họa*).

2.3. Mở rộng nâng cao vấn đề: (2.0 điểm)

- Xã hội hiện đại đòi hỏi con người, nhất là tuổi trẻ, phải biết trải nghiệm cuộc sống để mở rộng tầm nhìn, hình thành những tư tưởng mới mẻ, tiến bộ, có tính nhân loại.

- Hoạt động trải nghiệm còn giúp con người hình thành những năng lực và kỹ năng sống cần thiết.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (7 – 8):* Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- *Điểm Khá (5 – 6):* Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- *Điểm Trung bình (4):* Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu – Kém (<4):* Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm 0:* Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích ý kiến: (2.0 điểm)

- *Cái đẹp:* là một phạm trù mỹ học, chỉ những giá trị tích cực có khả năng bồi dưỡng, nâng cao tâm hồn, nhận thức, trí tuệ và hành động con người.

- *Cái đẹp trong nghệ thuật bắt nguồn từ đời sống:* nguồn gốc cái đẹp trong nghệ thuật, mối quan hệ gắn bó giữa nghệ thuật và đời sống.

- *Cái đẹp trong chính người nghệ sĩ:* những giá trị thuộc về tư tưởng, tâm hồn, nhận thức, thái độ và tài năng nghệ thuật.

- *Quan trọng, trực tiếp:* nhấn mạnh vai trò của cái đẹp trong bản thân người sáng tạo.

⇒ **Cách diễn đạt thành hai vế, vừa khẳng định mối quan hệ nghệ thuật và đời sống, vừa nhấn mạnh vai trò có tính quyết định của người nghệ sĩ trong việc sáng tạo cái đẹp ở tác phẩm nghệ thuật, thực hiện sứ mệnh cao cả của nhà văn.**

2.2. Bình luận: (3.0 điểm)

- Văn học lấy con người và cuộc sống làm đối tượng phản ánh theo quy luật của cái đẹp, nhằm thỏa mãn những tình cảm thẩm mỹ của con người. Bản thân cuộc sống con người đã là đối tượng thẩm mỹ của nghệ thuật muôn đời.

- Quá trình sáng tạo là quá trình mang tính cá nhân, cá thể, chủ quan cao độ. Đời sống khi được khúc xạ qua lăng kính chủ quan nghệ sĩ dù hiện lên thế này hay thế kia, bằng cách này hay cách khác, người ta đều có thể trực tiếp hoặc gián tiếp thấy được chân dung tinh thần người sáng tạo. Bởi thế, điều quan trọng và trực tiếp hơn cả của cái đẹp trong nghệ thuật là cái đẹp trong chính người nghệ sĩ.

- Là nhà văn, phẩm chất quan trọng hàng đầu là tâm hồn, những rung cảm thẩm mỹ. Chính những rung cảm này mang đến cái đẹp cho tác phẩm và nguồn cảm hứng cho người đọc. Bên cạnh đó, không thể không kể đến những tư tưởng, thái độ, tình cảm đẹp cùng một tài năng nghệ thuật để truyền tải cái đẹp đời sống vào tác phẩm.

2.3. Chứng minh: (6.0 điểm)

- Cái đẹp trong tác phẩm bắt nguồn từ đời sống (ý phụ).
- Cái đẹp trong tác phẩm bắt nguồn từ chính người nghệ sĩ (ý chính).
- Đẹp ở tâm (tâm lòng với cuộc sống, con người; ý thức trách nhiệm...).
- Đẹp ở tài năng (nghệ thuật, tri thức...).

2.4. Đánh giá chung, mở rộng vấn đề: (1.0 điểm)

Ý kiến đã khẳng định đúng đắn một trong những vấn đề thuộc bản chất của nghệ thuật nói chung, văn học nói riêng.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (10 – 12)*: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- *Điểm Khá (7 – 9)*: Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, vẫn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6)*: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5)*: Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3)*: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0*: Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 01 trang)

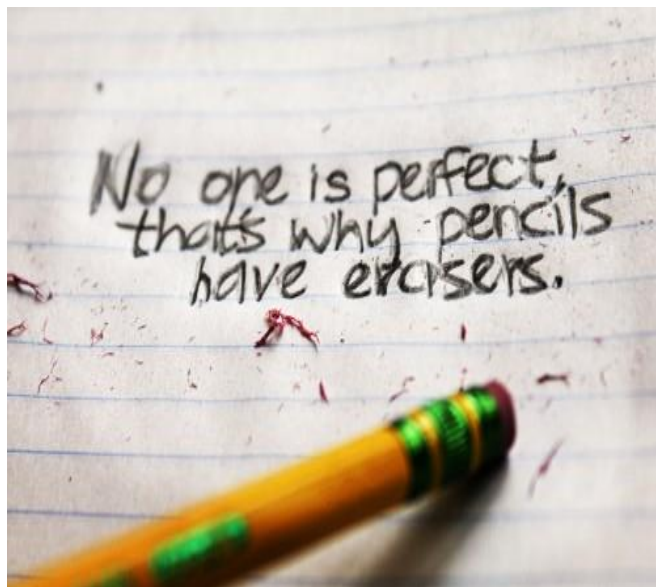
ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 20

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1 (8 điểm) Quan sát bức hình và đọc câu chuyện sau:

CÂU CHUYỆN VỀ CÂY BÚT CHÌ VÀ CỤC TÂY



- **Bút chì:** Cậu biết không, mình thực sự xin lỗi cậu!
- **Tây:** Vì sao vậy, có chuyện gì à?
- **Bút chì:** Xin lỗi cậu vì làm cậu bị thương bởi mình. Mỗi lần mình làm điều gì sai, cậu luôn ở đó để xóa giúp mình đi. Và mỗi một lần một lỗi lầm của mình được xóa đi, cậu lại bị mất đi một phần cơ thể. Cậu nhỏ đi, nhỏ dần hơn...
- **Tây:** Đúng vậy, nhưng mình không thấy phiền đâu. Cậu biết không, mình được sinh ra là để giúp cậu mỗi khi cậu làm sai điều gì đó. Thậm chí đến một ngày nào đó, khi mình biến mất, và cậu sẽ thay thế mình bằng một cái khác, mình vẫn sẽ thực sự hạnh phúc vì được sống để làm việc có ý nghĩa nhất cuộc đời mình. Thế cho nên đừng lo lắng nữa, mình không muốn thấy cậu buồn chút nào...

Suy nghĩ của anh/chị sau khi nhìn bức hình trên? Từ đó, anh/chị có liên hệ gì với bài học cuộc sống hiện nay xung quanh chúng ta mà ai cũng cần có?

Câu 2 (12 điểm)

“Viết truyện ngắn kiêng kị hai điều: hết chuyện là hết văn và hết văn là hết chuyện”.

(Trích *Văn học và nhân cách*, Nguyễn Thanh Hùng, NXB Văn học, 1994, tr. 90)

Anh/Chị hiểu như thế nào về ý kiến trên? Bằng những kiến thức mà anh/chị đã được học và qua một số tác phẩm văn học giai đoạn từ năm 1930 đến năm 1945, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:..... Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:.....

Dòng chữ trên bức hình (trái):

- Tiếng Anh: *No one is perfect, that's why pencils have erasers.*

- Tiếng Việt: *Không ai là hoàn hảo cả, đó chính là lý do vì sao bút chì lại có cục gôm.*

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐỀ THI THAM KHẢO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ
LỚP 12 THPT; NĂM HỌC 2021 – 2022
ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM
Môn thi: NGỮ VĂN – ĐỀ 20
(Đáp án – Thang điểm gồm có 03 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Đề bài gồm 2 câu: câu 1 là bài Nghị luận xã hội; câu 2 là bài Nghị luận văn học. Đề bài có sự tích hợp kiểm tra kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kỹ năng diễn đạt, kỹ năng lập luận của học sinh.

- Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát. Chú ý khuyến khích các bài viết có cảm xúc, có ý riêng, sáng tạo.

- Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo nhiều cách khác nhau, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (8 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,...).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích được nội dung của câu chuyện: (2.0 điểm)

* Xác định vấn đề nghị luận: **Sự Cho và Nhận trong cuộc sống.**

- Cho: là ban tặng, chia sẻ, hay bố thí với người khác
- Nhận: là đối tượng hướng đến của cho
- Cho và nhận: là một lối sống đáng được duy trì và phát triển.

⇒ **Cho và Nhận là những cặp mảnh ghép đi đôi với nhau, tạo thành một mắc xích liên tục làm nên sự toàn mỹ của mô hình mang tên cuộc sống.**

2.2. Bàn luận vấn đề: (6.0 điểm)

a. Đối với con người:

- Ta cho khi muốn được chia sẻ, muốn người khác cảm nhận được sự quan tâm, muốn mở lòng ra với mọi người

- Khác với cho, nhận có thể xuất phát từ trạng thái có hoặc vô ý thức: nhận vì sự cảm động, một hành động kiểu xã giao hay thậm chí là qua loa cho xong chuyện

- Con người biết cho và nhận sẽ nhận được sự tin yêu, kính trọng của mọi người thì sẽ dễ dàng thành công trong cuộc sống

b. Đối với xã hội:

- Cho và nhận giúp con người sống có tình thương, xã hội thêm văn minh và phát triển

- Tuy nhiên, cho và nhận hiện nay cũng là cách nói châm biếm các hành vi ăn nhận hối lộ của một bộ phận trong xã hội.

c. Thái độ đối với cho và nhận và cách rèn luyện:

* **Lưu ý:** Phần 2.2, thí sinh lồng dẫn chứng vào khi dùng lí lẽ và phải có mở rộng, phê phán.

3. Biểu điểm:

- **Điểm Giỏi (7 – 8):** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, thể hiện góc nhìn riêng với tư duy sắc sảo. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng và lí lẽ thuyết phục. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- **Điểm Khá (5 – 6):** Đáp ứng khá các yêu cầu trên. Quan điểm rõ ràng, lập luận (lí lẽ, dẫn chứng) ở mức khá thuyết phục. Bố cục rõ ràng, có thể còn vài sai sót về chính tả, dùng từ.

- **Điểm Trung bình (4):** Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Vấn đề bàn luận chưa sâu sắc. Lí lẽ, lập luận trung bình. Còn mắc một số lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm Yếu – Kém (<4):** Chưa hiểu hoặc hiểu chưa rõ các yêu cầu của đề; vấn đề nghị luận chưa sát với đề; bố cục, lập luận chưa hợp lí; bài viết quá sơ sài hoặc lan man; còn mắc khá nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

Câu 2 (12 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học.
- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.
- Biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt nắm vững thao tác phân tích, chứng minh để làm sáng rõ vấn đề.
- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày bài rõ ràng.

2. Yêu cầu về nội dung:

2.1. Giải thích ý nghĩa của câu nói: (2.0 điểm)

- **Truyện ngắn:** tác phẩm tự sự cỡ nhỏ. Nội dung của thể loại truyện ngắn bao trùm hầu hết các phương diện của đời sống: đời tư, thể sự hay sử thi nhưng cái độc đáo của nó là ngắn.

- **Hết chuyện là hết văn và hết văn là hết chuyện:** điều phải kiêng kị, tránh, không được phép mắc vào của nhà văn khi viết truyện ngắn.

- **Chuyện:** sự việc được kể lại bằng lời văn.

- **Văn:** ngôn từ, lời kể của tác phẩm văn học.

→ **Hết chuyện là hết văn:** Sự việc khi đã kể xong mà lời văn của truyện ngắn không có khả năng gợi suy ngẫm, không còn âm vang trong tâm trí bạn đọc.

→ **Yêu cầu:** *Chuyện kể đã hết nhưng điều muốn nói đằng sau câu chuyện, lời kể lại phải bắt đầu. Sự việc trong truyện ngắn đòi hỏi phải nhiều từ lượng mới có khả năng khơi gợi ở độc giả những suy tưởng.*

→ **Hết văn là hết chuyện:** Lời văn dùng, những điều viết ra trên bề nổi câu chữ đã khép lại là chuyện muốn nói cũng hết. Tác phẩm không để độc giả viết tiếp câu chuyện, không đặt ra được những chuyện nhân sinh

→ **Yêu cầu:** *Lời viết trong truyện ngắn phải có khả năng tạo nhiều vùng trắng, dồn nén, có độ mở lớn.*

⇒ **Từ chỗ nêu ra những điều nhà văn phải kiêng kị, ý kiến đã đề cập đến yêu cầu về phẩm chất quan trọng gắn với đặc trưng của thể loại truyện ngắn: Tác phẩm đã dừng nhưng những sự việc, lời văn lại có khả năng khơi gợi, nói được nhiều điều.**

2.2. Bàn luận cơ sở lí luận văn học: (3.0 điểm)

a. Đặc trưng của văn chương nghệ thuật:

Quá trình sáng tác văn học chính là quá trình kí hiệu hóa, nhà văn phản ánh đời sống và tư tưởng tình cảm của mình thông qua hình tượng nghệ thuật. Hơn nữa văn chương coi trọng tính hàm súc, ý tại ngôn ngoại.

Truyện ngắn nói riêng và văn học nói chung không chỉ nói ở những điều viết ra trên bề mặt câu chữ mà còn nói ở tầng sâu, tầng chìm từ những vùng trống, chỗ trắng, khoảng im lặng giữa các con chữ, lời văn.

b. Đặc trưng của thể loại truyện ngắn:

Truyện ngắn là ngắn nên tất cả phải cô đặc, dồn nén. Bởi vậy mỗi sự việc, chi tiết, hình ảnh, ngôn từ, hành văn... trong truyện ngắn đều phải có sức chứa lớn, có dư lượng dồi dào hơn nhiều những gì trên bề mặt.

2.3. Chứng minh: (6.0 điểm)

* Thí sinh phải chọn đúng một số truyện ngắn theo yêu cầu và bám sát đề khi phân tích để làm nổi bật được vấn đề (chỉ phân tích chi tiết liên quan, không phân tích cả tác phẩm): **Chuyện kể của tác phẩm đã hết, câu chữ đã dừng nhưng tác phẩm không khép kín bụng mà lại có khả năng mở ra được nhiều điều.**

2.4. Mở rộng ý nghĩa của vấn đề: (1.0 điểm)

- Những điều cảm kích khác khi viết truyện ngắn, so sánh một số vấn đề với tiểu thuyết...
- Ý nghĩa của vấn đề đối với người sáng tác và người đọc.

3. Biểu điểm:

- *Điểm Giỏi (10 – 12):* Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Kiến thức lí luận chắc, hiểu sâu về vấn đề, trình bày được các ý sâu sắc và phong phú. Phân tích sâu, kĩ, có cảm xúc các tác phẩm phù hợp để nêu bật vấn đề. Có sáng tạo, cá tính trong hình thức và nội dung bài làm. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, nêu bật luận đề, luận điểm; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, dùng từ.

- *Điểm Khá (7 – 9):* Đáp ứng khá các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề, chọn được một số tác phẩm phù hợp để làm rõ vấn đề nhưng ý chưa phong phú, phân tích chưa thật kĩ, văn chưa cảm xúc; bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, có thể còn mắc một số lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Trung bình (6):* Đáp ứng cơ bản các yêu cầu của đề. Hiểu vấn đề nhưng ý chưa sâu, chưa phong phú. Có chú ý nêu bật luận điểm nhưng phân tích tác phẩm chưa sâu, chưa kĩ. Bố cục hợp lý, lập luận tương đối chặt chẽ, còn mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Điểm Yếu (4 – 5):* Bài làm ít ý, chưa chú ý làm rõ luận đề. Phân tích sơ sài, ít dẫn chứng. Lập luận tạm được, còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

- *Điểm Kém (1 – 3):* Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, sa vào việc phân tích chung về tác phẩm; chọn và phân tích tác phẩm để chứng minh thiếu thuyết phục, bố cục không hợp lý, diễn đạt còn hạn chế,...

- *Điểm 0:* Bỏ giấy trắng.

----- **HẾT** -----